**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,**

 **GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRUNG ƯƠNG**

**ĐẶC SAN**

**TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT**

**Số: 02/2017**

**CHỦ ĐỀ**

**CÁC TỘI PHẠM THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ**

**(PHẦN I)**

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

1. TS. Lý Văn Quyền - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

2. ThS. Nguyễn Thị Mai - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

3. ThS. Lê Thị Diễm Hằng - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

**HÀ NỘI - NĂM 2017**

**I. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA**

Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015 đã có những bước đột phá trong cả tư duy lập pháp và kĩ thuật lập pháp nhằm bảo vệ tốt nhất chế độ cũng như quyền, lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia được quy định tại Chương VIII BLHS năm 2015, gồm 15 điều luật từ Điều 108 đến Điều 122, trong đó có 14 điều luật quy định về các tội phạm cụ thể. Đây là những hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với lỗi cố ý xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội, chế độ Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, xâm hại sự tồn tại, sự vững mạnh của chính quyền nhân dân.

**1. Tội phản bội Tổ quốc (Điều 108 BLHS năm 2015)**

Tội phản bội Tổ quốc là hành vi của công dân Việt Nam câu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lực lượng quốc phòng, chế độ XHCN và Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam.

* Chủ thể của tội phạm phải là công dân Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) từ đủ 16 tuổi trở lên. Người nước ngoài (không mang quốc tịch Việt Nam) hoặc người không quốc tịch (không mang quốc tịch của bất kì quốc gia nào) không thể trở trành chủ thể của tội phạm này bởi *“Tổ quốc”* được nói đến là Tổ quốc Việt Nam XHCN, chỉ công dân Việt Nam mới có thể phạm tội phản bội Tổ quốc (Việt Nam).
* Thực hiện tội phạm là xâm hại đến độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lực lượng quốc phòng, chế độ XHCN và Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam.
* Hành vi câu kết với nước ngoài (nước khác Việt Nam, có thể là tổ chức nhà nước, tổ chức khác, cá nhân) được thể hiện:

+) Bàn bạc, thảo luận với nước ngoài về kế hoạch, mưu đồ chống phá Tổ quốc Việt Nam XHCN;

+) Nhận sự giúp đỡ của nước ngoài như tiền, vũ khí, trang thiết bị, phương tiện kĩ thuật để phục vụ, hỗ trợ cho các hoạt động gây nguy hại cho Tổ quốc Việt Nam XHCN;

 +) Hoạt động dựa vào thế lực hoặc tiếp tay, thông đồng cho nước ngoài hoạt động chống lại Tổ quốc Việt Nam XHCN.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp bởi họ nhận thức được hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả, mong muốn thực hiện hành vi phạm tội để hậu quả xảy ra. Để trở thành chủ thể của tội phạm, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống lại chính quyền nhân dân, tức là nhằm thay đổi chế độ chính trị, kinh tế của đất nước, lật đổ chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm), tù chung thân hoặc tử hình.

**2. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109 BLHS năm 2015)**

Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân là hành vi hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự (có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình), từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm hại đến sự tồn tại của chính quyền nhân dân từ Trung ương đến địa phương. Người phạm tội có thể chỉ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền ở một cấp, một địa phương nào đó.
* Các hành vi cụ thể của người phạm tội:

+) Có hành vi thành lập, chuẩn bị cho việc thành lập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: đề ra chủ trương, đường lối hoạt động của tổ chức như viết cương lĩnh, điều lệ, chương trình hoạt động, lời kêu gọi, tài liệu huấn luyện; lôi kéo, rủ rê, tập hợp người vào tổ chức, phổ biến các tài liệu, nội dung đã chuẩn bị nhằm lật đổ chính quyền nhân dân;

+) Có hành vi tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: người phạm tội biết rõ tổ chức được thành lập để hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân nhưng đã tán thành, tiếp nhận mục đích và đồng ý tham gia vào tổ chức đó, thực hiện theo điều lệ, chủ trương, kế hoạch mà tổ chức đã đề ra.

Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân được coi là hoàn thành khi người phạm tội có một trong các hành vi chuẩn bị thành lập, thành lập hoặc tham gia vào tổ chức, tức là không phụ thuộc vào việc tổ chức đã được hình thành hay chưa hoặc từ khi nhận lời tham gia vào tổ chức không kể đã có hoạt động cụ thể hay chưa.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp: người phạm tội nhận thức được hành vi của mình, của người khác là nguy hiểm, thấy trước hậu quả có thể xảy ra nhưng vẫn thành lập, chuẩn bị thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Người phạm tội thực hiện một trong các hành vi này nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, đây là dấu hiệu bắt buộc, nếu thành lập hay tham gia tổ chức mà nhằm mục đích khác thì không cấu thành tội phạm này.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm), tù chung thân hoặc tử hình.

**3. Tội gián điệp (Điều 110 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm có thể là công dân Việt Nam, người nước ngoài hoặc người không quốc tịch có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm hại đến an ninh đối ngoại của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, sự vững mạnh của chính quyền nhân dân từ Trung ương đến địa phương. Bao gồm các vấn đề như chủ quyền đối với lãnh thổ, sự bất khả xâm phạm lãnh thổ, quyền tự quyết trong đối nội và đối ngoại, sức mạnh quốc phòng, khả năng phòng thủ, bảo vệ đất nước.
* Các hành vi phạm tội cụ thể:

+) Người nước ngoài, người không quốc tịch hoạt động tình báo, phá hoại hoặc gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại chống nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

+) Công dân Việt Nam gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chỉ điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại;cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hành vi phá hoại được hiểu là hành vi phá, làm hỏng cơ sở hạ tầng, các công trình, phương tiện, tài sản… để chúng mất hoặc mất một phần giá trị sử dụng; hoặc cũng có thể là hành vi phá hoại, tuyên truyền sai các chính sách của Nhà nước hoặc gây khó khăn, cản trở việc thực hiện các chính sách đó.

Hành vi gây cơ sở biểu hiện ở việc dụ dỗ, rủ rê, mua chuộc người khác giúp đỡ, che giấu hoạt động tình báo, phá hoại.

Hoạt động thám báo là những hành vi vừa mang tính chất thu thập tin tức, tình hình chính trị, quân sự, vừa mang tính chất biệt kích vũ trang rồi xâm nhập vào nội địa phục kích, tập kích bắt cóc, bắt giết cán bộ, bộ đội, phá hoại.

Chỉ điểm, dẫn đường là những hành vi nhằm xác định danh tính của những đối tượng cụ thể, tiền trạm và chỉ dẫn đường cho người khác đến tiếp cận, đột nhập căn cứ để thực hiện các hành vi phá hoại.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân, làm suy yếu chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm), tù chung thân hoặc tử hình.

**4. Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 111 BLHS năm 2015)**

Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ là hành vi xâm nhập lãnh thổ, có hành động làm sai lệch đường biên giới quốc gia hoặc có hành động khác nhằm gây phương hại cho an ninh lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* Chủ thể của tội phạm là công dân nước ngoài hoặc công dân Việt Nam (trong trường hợp bị nước ngoài xúi giục, chỉ đạo hoặc giúp sức cho nước ngoài) có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm hại đến an ninh, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Người có hành vi xâm nhập lãnh thổ là đã vượt qua biên giới để vào lãnh thổ nước Việt Nam một cách trái phép, có vũ trang hoặc bán vũ trang. Hành vi xâm nhập được thực hiện một cách lén lút hoặc công khai qua các đường như đường bộ, đường thủy hoặc đường không. Cùng với hành vi xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, người phạm tội có thể cướp, phá hoại tài sản, gây thương tích cho người khác hoặc giết người…

+) Người có hành vi làm sai lệch đường biên giới quốc gia là đã làm thay đổi vị trí các cột mốc biên giới giữa Việt Nam và quốc gia khác.

+) Các hành động khác xâm phạm an ninh lãnh thổ có thể là bắn phá từ ngoài biển vào đất liền, từ lãnh thổ quốc gia khác sang Việt Nam; xây dựng hoặc đặt trái phép trụ sở trên lãnh thổ Việt Nam…

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích nhằm làm cho tình hình an ninh, chính trị ở khu vực biên giới phức tạp, mất ổn định.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm) hoặc tù chung thân.

**5. Tội bạo loạn (Điều 112 BLHS năm 2015)**

Tội bạo loạn là hành vi hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực có tổ chức hoặc cướp phá tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm là bất kì người nào (có thể là công dân nước ngoài, người không quốc tịch, công dân Việt Nam) có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm hại đến sự an toàn, vững mạnh của chính quyền nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Hoạt động vũ trang: đây là hành vi lôi kéo, tập hợp đông người, được trang bị vũ khí để chống lại chính quyền nhân dân hoặc lực lượng vũ trang như tấn công trụ sở ủy ban nhân dân, đồn công an, doanh trại quân đội nhân dân…

+) Dùng bạo lực có tổ chức: đây là hành vi lôi kéo, kích động, dụ dỗ, tập hợp nhiều người không có vũ trang hoặc có nhưng không đáng kể, tiến hành các hoạt động như mít tinh, biểu tình, xúc phạm cán bộ, cơ quan nhà nước, đập phá tài sản của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

+) Cướp phá tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân: đây là hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc khiến người khác không có khả năng chống lại nhằm chiếm đoạt tài sản, có thể là tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân; có hành vi đập phá, làm hỏng dẫn đến tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị mất một phần hoặc toàn bộ giá trị.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Để cấu thành tội này, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích nhằm chống chính quyền nhân dân, làm chính quyền nhân dân suy yếu, tức là gây khó khăn cho chính quyền trong việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm), tù chung thân hoặc tử hình.

**6.Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113 BLHS năm 2015)**

 Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân là hành vi xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm có thể là công dân Việt Nam, công dân nước ngoài, người không quốc tịch có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm hại đến sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, xâm hại an ninh đối nội, đối ngoại của đất nước.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Hành vi xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc người khác là các hành vi giết người, cố ý gây thương tích. Đối tượng của các hành vi phạm tội này có thể là cán bộ chủ chốt, tích cực trong công tác hoặc người khác có nhiều đóng góp trong các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

+) Hành vi phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Đây là hành vi đập phá, phá hoại khiến tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân mất giá trị sử dụng.

+) Có hành vi uy hiếp xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; uy hiếp tinh thần của cán bộ, công chức hoặc người khác.

+) Các hành vi khác như: thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố; cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố; xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe của cán bộ, công chức hoặc người khác; chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội bắt buộc phải có mục đích làm suy yếu chính quyền nhân dân.

- Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm), tù chung thân hoặc tử hình.

**7. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114 BLHS năm 2015)**

Tội phá hoại cơ sở vật chất - kĩ thuật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là hành vi phá hủy hoặc làm hư hỏng những giá trị vật chất thuộc các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, xâm phạm cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và an ninh quốc gia.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Người phạm tội có hành vi phá hoại cơ sở vật chất - kĩ thuật thuộc các lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng, khoa học - kĩ thuật, văn hóa, xã hội như: trụ sở các cơ quan nhà nước, các công trình phục vụ quốc phòng, nhà máy, xí nghiệp, nhà hát, bảo tàng, sân vận động…

+) Người phạm tội hủy hoại, làm hư hỏng các đối tượng, công trình nói trên bằng các hình thức như đốt, gây nổ, đập phá khiến chúng mất một phần hoặc mất hoàn toàn giá trị sử dụng.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội bắt buộc phải có mục đích nhằm làm suy yếu, chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 1 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm), tù chung thân hoặc tử hình.

**8. Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội (Điều 115 BLHS năm 2015)**

Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội là hành vi cố ý cản trở, không chấp hành hay chấp hành không đúng các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

* Chủ thể của tội phạm là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến việc thực hiện đúng đắn các chính sách về kinh tế - xã hội của Nhà nước.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội: có hành vi phá hoại các chính sách lớn của Nhà nước như chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với người có công, chính sách đối với thân nhân liệt sĩ, các điều kiện để xét tặng huân huy chương hoặc các danh hiệu cao quý khác như nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc ưu tú, thầy thuốc nhân dân… Hành vi phá hoại cụ thể như cố ý cản trở việc thực hiện chính sách, không chấp hành chính sách, đi ngược lại với chính sách đề ra, không giải quyết việc được hưởng chính sách đối với những đối tượng thụ hưởng…
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 06 tháng nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 15 năm).

**9. Tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 116 BLHS năm 2015)**

Tội phá hoại chính sách đoàn kết là hành vi tuyên truyền, kích động hoặc bằng thủ đoạn khác chia rẽ sự đoàn kết thống nhất toàn dân, đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đoàn kết quốc tế với mục đích chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến chính sách đoàn kết toàn dân, đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết các tôn giáo và đoàn kết quốc tế.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện các hành vi nhằm phân hóa giàu nghèo, phân biệt, chia rẽ giữa cán bộ với nhân dân, bộ đội với nhân dân…

+) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam: phân biệt, chia rẽ dân tộc Kinh với các dân tộc ít người khác, tạo sự phân biệt giữa các dân tộc ít người với nhau bằng cách bài xích các phong tục, tập quán sinh hoạt cũng như tập quán canh tác…

+) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

+) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế: phân biệt màu da, quốc tịch, ngôn ngữ, cản trở việc người nước ngoài muốn nhập cư vào Việt Nam để học tập, công tác, cản trở các hoạt động đầu tư kinh doanh của nước ngoài vào Việt Nam…

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 06 tháng nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 15 năm).

**10.Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 117 BLHS năm 2015)**

Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, gây chiến tranh tâm lý nhằm chống Nhà nước.

* Chủ thể của tội phạm: là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến sự thống nhất về tư tưởng chính trị trong xã hội, đe dọa sự vững mạnh của chính quyền nhân dân và chế độ XHCN.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân: người phạm tội đề xuất, vạch ra những tư tưởng phản động hoặc cất giữ các ấn phẩm thể hiện tư tưởng phản động đó, truyền cho người khác bằng cách phát tờ rơi, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Những tài liệu này đều có nội dung phản động, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, hoặc người phạm tội có lời nói, việc làm xúc phạm, làm giảm uy tín của chính quyền nhân dân.

+) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân; làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm gây chiến tranh tâm lý: người phạm tội đã vạch ra, in ấn, phát hành, cất giữ, loan truyền những thông tin bịa đặt làm giảm lòng tin của nhân dân vào chính quyền, khiến người dân hoang mang, lo lắng.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 01 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm).

**12.Tội phá rối an ninh (Điều 118 BLHS năm 2015)**

Tội phá rối an ninh là hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể tội phạm là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến an ninh, trật tự trong lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh: là việc tuyên truyền, rủ rê, lôi kéo, đe dọa, xúi giục, mua chuộc… người khác để tụ tập thành các nhóm người có số lượng lớn thực hiện các hành vi la hét, đập phá, gây náo loạn, cản trở giao thông hoặc sinh hoạt khác của nhân dân gây nên tình trạng lộn xộn, chính quyền địa phương khó kiểm soát vấn đề an ninh.

+) Chống người thi hành công vụ: là thực hiện hành vi bắt giữ, đánh đập người thi hành công vụ, cản trở việc thực hiện công vụ bằng cách đốt, đập phá phương tiện, trang thiết bị.

+) Cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức như phá hủy đường dây tải điện, đường dây thông tin liên lạc hoặc có các hành vi khác nhằm gây khó khăn cho cơ quan, tổ chức.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 06 tháng nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 15 năm).

**13.Tội chống phá cơ sở giam giữ (Điều 119 BLHS năm 2015)**

Tội chống phá cơ sở giam giữ là hành vi phá cơ sở giam giữ, tổ chức trốn khỏi cơ sở giam giữ, đánh tháo người bị giam giữ, người bị áp giải hoặc trốn khỏi cơ sở giam giữ nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm là người đang bị giam giữ, người bị áp giải, người khác ở trong hoặc ngoài cơ sở giam giữ có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến sự an toàn của chế độ giam giữ và an ninh quốc gia.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Phá cơ sở giam giữ: người phạm tội có hành vi phá hoại nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam bằng cách đốt, đập, cậy phá, gây nổ…

+) Tổ chức trốn khỏi cơ sở giam giữ: rủ rê, lôi kéo, kích động người khác có ý định trốn khỏi cơ sở giam giữ, bàn bạc, lên kế hoạch trốn, có sự chuẩn bị về công cụ, phương tiện hỗ trợ cho việc trốn, phương tiện tẩu thoát, nơi ẩn náu…

+) Đánh tháo người bị giam giữ, người bị áp giải: là việc giải thoát cho người bị giam giữ, bị áp giải bằng cách dùng vũ lực tấn công người làm nhiệm vụ quản lý, canh gác người bị giam giữ hoặc áp giải, nhốt hoặc sử dụng thuốc mê khiến những người này không thể làm nhiệm vụ.

+) Trốn khỏi cơ sở giam giữ: người đang bị giam giữ thoát khỏi nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam bằng cách bẻ khóa, cắt khóa, trèo tường, mua chuộc hoặc đánh thuốc mê người làm nhiệm vụ trông coi, quản lý.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 01 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm) hoặc tù chung thân.

**14.Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 120 BLHS năm 2015)**

Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân là hành vi tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác đi ra nước ngoài một cách bất hợp pháp hoặc ở lại nước ngoài một cách bất hợp pháp nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm có thể là công dân Việt Nam, người nước ngoài hoặc người không quốc tịch có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Tổ chức trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài: dụ dỗ, rủ rê người khác đi nước ngoài một cách bất hợp pháp hoặc ở lại nước ngoài một cách bất hợp pháp, tạo các điều kiện cần thiết cho người khác trốn hoặc ở lại nước ngoài như làm giấy tờ giả, hộ chiếu giả…

+) Cưỡng ép trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài: là hành vi tác động vào ý chí người khác khiến họ dù không mong muốn cũng phải trốn đi hoặc ở lại nước ngoài. Có thể cưỡng ép bằng cách đe dọa sẽ giết, tiết lộ bí mật cá nhân, bí mật công tác hoặc có những hành vi khác nhằm khống chế người đó buộc họ không còn lựa chọn nào khác là phải trốn đi hoặc ở lại nước ngoài.

+) Xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài: là hành vi tác động vào tư tưởng, ý chí của người khác để họ trốn ra nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài. Sự xúi giục có thể thực hiện bằng nhiều thủ đoạn như kích động, lôi kéo, lừa phỉnh…

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 01 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm) hoặc tù chung thân.

**15.Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 121 BLHS năm 2015)**

Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân là hành vi rời khỏi đất nước một cách bất hợp pháp hoặc rời khỏi đất nước hợp pháp nhưng ở lại nước ngoài một cách bất hợp pháp nhằm chống chính quyền nhân dân.

* Chủ thể của tội phạm: chỉ có thể là công dân Việt Nam có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Thực hiện tội phạm là xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Trốn đi nước ngoài tức là người phạm tội rời khỏi lãnh thổ Việt Nam một cách bất hợp pháp bằng các thủ đoạn như dùng giấy tờ giả, hộ chiếu giả, lén lút vượt biên, dùng vũ lực hoặc đe dọa người có trách nhiệm kiểm soát để trốn đi. Người phạm tội chỉ cần thực hiện một trong các hành vi này là đã bị coi là tội phạm hoàn thành mà không bắt buộc phải vượt qua được biên giới quốc gia.

+) Trốn ở lại nước ngoài: người phạm tội đã khời khỏi lãnh thổ Việt Nam và nhập cư vào nước ngoài một cách hợp pháp bằng các hình thức như đi công tác, lao động, học tập, đi du lịch, khám chữa bệnh… nhưng khi đã hoàn thành nhiệm vụ lại không trở về nước, hết thời gian lao động hoặc học tập nhưng đã trốn ở lại. Người phạm tội có thể ở ngay nước đó hoặc trốn sang nước khác.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội bắt buộc phải có mục đích chống chính quyền nhân dân.
* Hình phạt: người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn (thấp nhất là 01 năm nếu tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị, cao nhất là 20 năm).

Ngoài ra, người phạm tội quy định tại Chương này còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung gồm: tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**II.** **CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI**

Chương XIV BLHS năm 2015 có 34 điều luật quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

**1. Tội giết người (Điều 123 BLHS)**

Giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật. Hành vi tước đoạt tính mạng của người khác tức là hành vi có khả năng gây ra cái chết cho con người. Người phạm tội có thể dùng tay bóp cổ, dìm đầu nạn nhân xuống nước làm nạn nhân chết ngạt; dùng súng bắn, dùng dao đâm, chém nạn nhân chết hoặc dùng thuốc độc đầu độc nạn nhân chết…

 Hành vi giết người là hành vi tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật nên những hành vi tự tước đoạt tính mạng của mình hoặc hành vi gây ra cái chết cho người khác được pháp luật cho phép đều không coi là phạm tội giết người. Trường hợp hành vi tước đoạt tính mạng của người khác mà được sự đồng ý của nạn nhân vì nhân đạo nhằm tránh đau khổ cho họ thì vẫn bị coi là giết người.

 Hậu quả bắt buộc của tội giết người là nạn nhân chết. Đối với trường hợp hậu quả chết người không xảy ra thì việc định tội danh được xác định tùy thuộc váo hình thức lỗi, cụ thể: Nếu lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp thì bị xử lý về tội giết người chưa đạt; nếu lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý gián tiếp thì bị xử lý về tội cố ý gây thương tích nếu thỏa mãn tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Người phạm tội giết người có thể bị xử lý theo một trong ba khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với trường hợp phạm tội có một số tình tiết tăng nặng như: giết 02 người trở lên; giết người dưới 16 tuổi; giết phụ nữ mà biết là có thai; giết người đang thi hành công vụ hoặc lý do công vụ của nạn nhân; giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; thực hiện tội phạm một cách man rợ… Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 7 năm đến 15 nămáp dụng cho trường hợp phạm tội không có tình tiết định khung tăng nặng và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 1 năm đến 5 năm áp dụng cho trường hợp phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

**2. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124 BLHS)**

Điều luật này quy định hai tội phạm, đó là tội giết con mới đẻ và tội vứt bỏ con mới đẻ.

Thứ nhất, đối với tội giết con mới đẻ: Đây là trường hợp người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi.Tội phạm này là trường hợp đặc biệt của tội giết người nên cũng có những dấu hiệu pháp lý giống tội giết người. Tuy nhiên, tội phạm này khác tội giết người ở đặc điểm của người phạm tội và nạn nhân.

Thứ hai, đối với tội vứt bỏ con mới đẻ: Đây là trường hợp người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết. Người mẹ nhận thức được hành vi vứt bỏ đứa con mới đẻ có khả năng làm chết đứa con mới đẻ tuy không mong muốn đứa con mới đẻ chết nhưng để mặc cho hậu quả xẩy ra. Hậu quả con mới đẻ chết là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

Người phạm tội giết con mới đẻ có thể bị áp dụng khung hình phạt là phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Người phạm tội vứt bỏ con mới đẻ có thể bị áp dụng khung hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

**3. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS)**

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cũng là trường hợp đặc biệt của tội giết người nên tội này có những dấu hiệu pháp lý chung của tội giết người. Bên cạnh những dấu hiệu chung đó, tội phạm này có dấu hiệu khác tội giết người ở dấu hiệu người phạm tội thực hiện hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trạng thái người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình tức là trong tình trạng khả năng nhận thức và kiềm chếđều bị hạn chế ở mức độ cao.

Nguyên nhân của trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người đó gây ra. Ví dụ: nạn nhân là người chồng thường xuyên đánh chửi vợ tàn nhẫn, người vợ ức quá muốn bỏ chồng nên đã làm đơn xin ly hôn nhưng người chồng không cho mang ra tòa, người vợ tự làm nhà ra ở riêng thì bị người chồng đốt đi và vào một ngày do bị người chồng đánh chửi vì quá bức xúc nên người vợ đã giết người chồng trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng khung hình phạt là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Nếu phạm tội đối với 2 người trở lên có thể bị áp dụng khung hình phạt là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

**4. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126 BLHS)**

Điều luật này quy định hai tội phạm, đó là tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và tội giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội.

Thứ nhất, đối với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng: Đây là trường hợp nạn nhân có hành vi tấn công xâm phạm các lợi ích của nhà nước, của tập thể, xâm phạm quyền lợi ích chính đáng của người phạm tội hoặc của người khác và người phạm tội đã thực hiện quyền phòng vệ nhằm ngăn chặn đẩy lùi hành vi tấn công nhưng đã sử dụng biện pháp chống trả gây hậu quả chết người cho chính người thực hiện hành vi tấn công. Việc gây ra cái chết cho nạn nhân rõ ràng là không tương xứng, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công của nạn nhân.

Thứ hai, đối với tội giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội: Đây là trường hợp nạn nhân là đối tượng bị bắt giữ - người phạm tội có hành vi bỏ trốn, chống lại sự bắt giữ và người có quyền hạn trong việc bắt giữ người phạm tội đã dùng vũ lực để bắt giữ người phạm tội nhưng đã làm cho người phạm tội chết. Việc xảy ra hậu quả chết người này là rõ ràng vượt quá mức cần thiết khi bắt, giữ người phạm tội.

Người phạm một trong hai tội phạm này đều có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Nếu phạm tội đối với 02 người trở lên thì có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

**5. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127 BLHS)**

Hành vi của tội phạm này là hành vi dùng vũ lực, vũ khí để thực hiện công vụ, nhiệm vụ ngoài những trường hợp được pháp luật cho phép và việc dùng vũ lực, vũ khí này đã dẫn đến hậu quả chết người. Nạn nhân ở đây có thể là người người có hành vi vi phạm pháp luật những cũng có thể là người không có hành vi vi phạm.

Người phạm tội này phải là người đang thi hành công vụ. Đó là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội thực hiện công vụ, nhiệm vụ được giao hoặc công dân được huy động thực hiện nhiệm vụ như tuần tra, canh gác, bảo vệ…theo kế hoạch của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phục vụ lợi ích chung của Nhà nước và của xã hội.

Người phạm tội này có thể bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Trong trường hợp phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai hoặc làm chết 02 người trở lên thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm. Người phạm tội này còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**6. Tội vô ý làm chết người (Điều 128 BLHS)**

Hành vi của tội phạm này là hành vi vi phạm những quy tắc, quy định nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cho con người.Ví dụ, người đi săn tưởng người là thú nên bắn nhầm làm chết người. Hậu quả của tội phạm là dấu hiêu bắt buộc của cấu thành tội phạm, đó là hậu quả chết người và đối với tội phạm này cần phải xác định mối quan hệ giữa hành vi vi phạm quy tắc an toàn về tính mạng, sức khỏe cho con người và hậu quả chết người đã xảy ra.

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Nếu làm chết 02 người trở lên thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

**7. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 129 BLHS)**

Tội phạm này là trường hợp đặc biệt của tội vô ý làm chết người theo quy định tại Điều 128 BLHS. Đây là hành vi vi phạm quy tắc nghề nghiệp như quy tắc khai thác gỗ trong rừng ví dụ: chặt cây đổ đè chết người hoặc quy tắc an toàn trong hoạt động y tế tại các bệnh viện hoặc cơ sở y tế,ví dụ: cán bộ y tế tiêm nhầm thuốc hoặc tiêm, truyền thuốc không thử phản ứng làm nạn nhân chết do sốc thuốc. Hành vi của tội này cũng có thể là hành vi vi phạm quy tắc hành chính do luật hành chính quy định hoặc các văn bản quy phạm do các cơ quan hành chính ban hành.

Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm và đối với tội phạm này cần phải xác định mối quan hệ giữa hành vi vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính và hậu quả chết người đã xảy ra.

Người phạm tội này có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Nếu làm chết 02 người trở lên thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**8. Tội bức tử (Điều 130 BLHS)**

Hành vi phạm tội này bao gồm các dạng hành vi sau:

- Đối xử tàn ác với nạn nhân là hành vi gây đau khổ về thể chất và tinh thần của người bị lệ thuộc như đánh, trói gốc cây có tổ kiến, nhốt đứa trẻ vào buồng tối bỏ đói, bỏ rét…

- Thường xuyên ức hiếp nạn nhân là hành vi đối xử bất công, bất bình đẳng đối với người bị lệ thuộc xảy ra thường xuyên như hàng tháng trả lương không công bằng, bớt xén tiêu chuẩn chế độ…;

- Thường xuyên ngược đãi nạn nhân là hành vi đối xử tàn nhẫn, tồi tệ người lệ thuộc mình trái với luân thường đạo lý xảy ra thường xuyên như người con ttai cho mẹ già ở phòng nhỏ trên gác xép hàng ngày đến bữa ăn cho mẹ ăn bằng một cái bát tô cơm cùng ít thức ăn thừa…;

- Làm nhục nạn nhân là hành vi làm tổn hại danh dự, nhân phẩm, uy tín củangười bị lệ thuộc như chửi rủa thậm tệ nạn nhân trước sự có mặt của những người khác, tung tin sai sự thật làm cho những người khác lầm tưởng nạn nhân thực sự là một con người xấu xa, không ra gì…

Hậu quả của tội phạm là làm nạn nhân tự sát mà không đòi hỏi nạn nhân có bị chết do tự sát hay không

Người phạm tội này có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Trong trường hợp phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai hoặc phạm tội đối với 02 người trở lên thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

**9. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 131 BLHS)**

Điều luật quy định hai tội phạm, đó là tội xúi giục người khác tự sát và tội giúp người khác tự sát.

Thứ nhất, đối với tội xúi giục người khác tự sát: Hành vi phạm tội này là hành vi kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ như kích động bằng lời nói tác động tâm lý làm cho nạn nhân tự dằn vặt, trầm uất mà tự sát; dụ dỗ, thúc đẩy để người khác tự sát là dùng nói nói nhẹ nhàng khuyên bảo cho nạn nhân cảm thấy sống là khổ chết mới là sung sướng, hạnh phúc, tốt đẹp khiến họ tự sát.

Thứ hai, đối với tội giúp người khác tự sát: Hành vi phạm tội này là hành vi tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ như cung cấp sung, dao, thuốc độc, dây treo cổ hoặc hành vi chỉ dẫn cách thức tự sát…

Hậu quả của tội phạm là nạn nhân có hành vi tự sát mà không đòi hỏi nạn nhân có bị chết do tự sát hay không.

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Nếu phạm tội làm 02 người trở lên tự sát thì người phạm tội có thể bị phạt tù tù từ 02 năm đến 07 năm.

**10. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng dẫn đến họ chết. Sự nguy hiểm này có thể do bị tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tai nạn trong khi săn bắn; do những rủi ro khác như không biết bơi bị ngã xuống ao, hồ, sông, biển; hoặc do chính nạn nhân gây ra (tự sát). Người phạm tội là người có đủ điều kiện bản thân cũng như những điều kiện bên ngoài khác hoàn toàn cho phép để cứu giúp khi thấy người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, nhưng họ đã không cứu giúp.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong ba khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạtcảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tùtừ 01 năm đến 05 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tùtừ 03 năm đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**11. Tội đe dọa giết người (Điều 133 BLHS)**

Hành vi của tội này là hành vi đe dọa sẽ tước đoạt tính mạng người khác bằng nhiều hình thức khác nhau như: đe dọa trực tiếp, qua điện thoại, qua internet hoặc đe dọa bằng súng, lựu đạn, dao… Hành vi đe dọa phải làm cho người bị đe dọa lo sợ một cách có căn cứlà hành vi giết người sẽ xảy ra.

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Nếu trường hợp phạm tội có tình tiết tăng nặng như: phạm tội đối với 02 người trở lên; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; đối với người dưới 16 tuổi; để che giấu hoặc trốn tránh việc bị xử lý về một tội phạm khác thì có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

**12. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là các hành vi có khả năng gây ra thương tích hoặc tổn thương khác làm tổn hại sức khỏe của con người. Các hành vi có sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội như dùng dao đâm, chém, súng bắn… vào vai, bụng, chân, tay nạn nhân gây thương tích; hoặc người phạm tội không có công cụ phương tiện phạm tội mà dùng tay đấm, chân đá vào người nạn nhân gây tổn thương và người phạm tội có thể sử dụng cơ thể người khác hoặc con vật làm phương tiện phạm tội. Ví dụ: xúi chó béc giê cắn người.

Hậu quả của tội phạm là tỷ lệ tổn thương cho cơ thể của nạn nhân từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 6 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạtcải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 02 năm đến 06 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ tư là phạt tù từ 07 năm đến 14 năm. Khugn hình phạt thứ năm là phạt tù tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khung hình phạt thứ sau là phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 nămáp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội.

**13. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135 BLHS)**

Tội phạm này là trường hợp đặc biệt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) nên cũng có những dấu hiệu tượng tự như tội phạm quy định tại Điều 134 BLHS. Tuy nhiên, điểm khác cơ bản của tội phạm này là người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó. Đặc điểm này tương tự như tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS).

Hành vi phạm tội này phải gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở mức độ tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên. Người phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Nếu gây hậu quả nghiêm trọng hơn có thể bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

**14. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136 BLHS)**

Tội phạm này là trường hợp đặc biệt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) nên cũng có những dấu hiệu tượng tự như tội phạm quy định tại Điều 134 BLHS. Tuy nhiên, điểm khác cơ bản của tội phạm này là người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Đặc điểm này tương tự như tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126 BLHS).

Hành vi phạm tội này phải gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở mức độ tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên. Người phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Nếu gây hậu quả nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

**15. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137 BLHS)**

Tội phạm này cũng là trường hợp đặc biệt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) nên cũng có những dấu hiệu tượng tự như tội phạm quy định tại Điều 134 BLHS. Tuy nhiên, điểm khác cơ bản của tội phạm này là người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội là hành vi dùng vũ lực ngoài những trường hợp được pháp luật cho phép trong khi thi hành công vụ. Đặc điểm này tương tự như tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127 BLHS).

Hành vi phạm tội này phải gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở mức độ tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên. Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 02 năm đến 07. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**16. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 138 BLHS)**

Hành vi khách quan của tội này giống như hành vi khách quan của tội vô ý làm chết người. Người phạm tội thực hiện các hành vi gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác. Hậu quả của tội phạm là thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong ba khng hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 02 năm hoặcphạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

**17. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 139 BLHS)**

Hành vi của tội phạm này là hành vi vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính. Các quy tắc này đã được giải thích ở tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 129 BLHS). Người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp gây ra hậu quả của tội phạm là thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong ba khng hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặcphạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**18. Tội hành hạ người khác (Điều 140 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi đối xử tàn ác hoặc làm nhục người lệ thuộc mình. Hành vi đối xử tàn ác là hành vi làm cho nạn nhân đau đớn về thể xác và tinh thần như đánh đập, nhốt trong phòng không cho ra khỏi nhà, bắt bỏ học… Hành vi làm nhục người lệ thuộc mình như chửi rủa nạn nhân trước đông người, nói xấu, bôi nhọ, tung tin thất thiệt để người khác tưởng nạn nhân xấu xa nên khinh bỉ, căm ghét, xa lánh.

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Nếu phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ; gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên hoặc phạm tội đối với 02 người trở lên thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

**19. Tội hiếp dâm (Điều 141 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân. Tội phạm được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác mà không phụ thuộc vào việc họ đã thoả mãn hết nhu cầu tình dục của mình hay chưa.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong bốn khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân và khung hình phạt thứ tư là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**20. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người dưới 16 tuổi. Tuy nhiên, thủ đoạn phạm tội được xác định khác nhau tùy theo độ tuổi của nạn nhân. Đối với nạn nhân là người từ đủ 13 tuổi dến dưới 16 tuổi thì thủ đoạn phạm tội tương tự tội hiếp dâm được quy định ở Điều 141 BLHS.Đối với trường hợp nạn nhân là người dưới 13 tuổi thì hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác không đòi hỏi phải trái với ý muốn của nạn nhân và có thể được thực hiện bằng bất kỳ thủ đoạn nào.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong ba khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tùtừ 07 năm đến 15 năm. Khung hình phạt thứ hai phạt tù từ 12 năm đến 20 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**21.Tội cưỡng dâm (Điều 143 BLHS)**

Người phạm tội này có hành vi ép buộc bằng mọi thủ đoạn khác nhau khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với mình.

Người lệ thuộc vào người phạm tội có thể là lệ thuộc về công tác như nhân viên với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, về kinh tế như quan hệ giữa người được nuôi dưỡng với người nuôi dưỡng, về gia đình, về tín ngưỡng…Người đang ở trong tình trạng quẫn bách là đang ở hoàn cảnh hết sức khó khăn, tự mình không thể hoặc khó có thể khắc phục được cần phải có sự hỗ trợ của người khác như người thân trong gia đình bị tai nạn, bị mắc bệnh hiểm nghèo mà gia đình lại nghèo túng không có tiền…

Người phạm tộiđã lợi dụng sự lệ thuộc hoặc tình trạng quẫn bách nêu trên để khống chế tư tưởng họ, buộc nạn nhân phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 4 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 10 năm đến 18 năm và khung hình phạt thứ tư là bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**22. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144BLHS)**

Hành vi phạm tội này tương tự như hành vi của tội cưỡng dâmquy định tại Điều 143. Tội phạm này chỉ khác tội cưỡng dâm về độ tuổi của nạn nhân. Cụ thể nạn nhân của tội này là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi còn nạ nhân trong tội cưỡng dâm là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 07 năm đến 15 nămvà khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**23.Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145 BLHS)**

Người phạm tội là người từ đủ 18 tuổi trở lên đã thực hiện hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổikhi được sự đồng ý của họ. Hay nói cách khác, hành vi của tội phạm này là hành vi giao cấu thuận tình hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khácthuận tìnhvới người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 03 năm đến 10 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù 07 năm đến 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**24. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146 BLHS)**

Hành vi của tội phạm này là các hành vi tình dục nhằm kích thích, thỏa mãn nhu cầu tình dục của người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện đối với người dưới 16 tuổi. Tuy nhiên, những hành vi này không phải là hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 03 năm đến 07 nămvà khung hình phạt thứ ba là phạt tù 07 năm đến 12năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**25. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147)**

Người phạm tội này là người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện các hành vi lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức. Hành vi lôi kéo, dụ dỗ như trả tiền cao, hứa thưởng về tinh thần, tài sản, vật chất có giá trị hoặc ép buộc bằng các thủ đoạn như dọa đánh, không cho ăn uống, dọa công khai hình ảnh khỏa thân, video quan hệ tình dục của người dưới 16 tuổi với gia đình, nhà trường, lên mạng…

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù 07 năm đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**26. Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi của người bị nhiễm HIV cố tình lây truyền HIV từ mình sang người khác bằng các hình thức khác nhau như: quan hệ tình dục, tiêm chích ma túy…**N**gười phạm tội biết mình bị nhiễm HIV, biết hành vi mà mình thực hiện có khả năng làm cho HIV từ mình lây truyền sang người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi đó và mong muốn hoặc có ý thức để mặc hậu quả đó xảy ra.

Người phạm tội này có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm hoặc có thể bị phạt tù tù từ 03 năm đến 07 năm nếu có một số tình tiết tăng nặng như: phạm tội đối với 02 người trở lên; đối với phụ nữ mà biết là có thai; đối với thầy thuốc hoặc nhân viên y tế trực tiếp chữa bệnh cho mình…

**27. Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149 BLHS)**

Tội phạm này khác với tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148 BLHS) ở đặc điểm của chủ thể. Chủ thể của tội phạm này là người không bị nhiễm HIV nhưng cố ý truyền HIV cho người khác.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**28. Tội mua bán người (Điều 150 BLHS)**

Hành vi phạm tội này có thể là một trong các hành vi:Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện một trong các hành vi nêu trên.

Thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng khi thực hiện hành vi mua bán người có thể là dùng vũ lực như đánh trói;đe dọa dùng vũ lực như dọa giết;lừa gạt như lừa yêu, lừa cưới làm vợ, lừa tìm việc làm…;thủ đoạn khác như cho uống thuốc gây mê…

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 08 năm đến 15 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**29. Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151 BLHS)**

Hành vi phạm tội này tương tự như hành vi của tội mua bán người, chỉ khác về độ tuổi của nạn nhân. Cụ thể, nạn nhân của tội này làngười dưới 16 tuổi còn nạn nhân của tội mua bán người là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 07 năm đến 12 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**30. Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi đánh tráo người dưới 01 tuổi tức là hành vi đổi đứa trẻ này lấy đứa trẻ khác như đổi con gái lấy con trai, con bị khuyết tật lấy con lành lặn…Hành vi phạm tội thường xảy ra ở nơi sinh đẻ có nhiều sản phụ sinh con nhưbệnh viện, trạm xá…

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tùtừ 03 năm đến 07 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 07 năm đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**31. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi là hành vi tách chuyển trái phép người dưới 16 tuổi khỏi sự quản lý của gia đình hoặc người quản lý hợp pháp và thiết lập sự quản lý đó cho mình hoặc người khác bằng những thủ đoạn: Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, thủ đoạn khác như lừa dối, bắt cóc….

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 03năm đến 07 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 10 năm đến 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**32.Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154 BLHS)**

Hành vi phạm tội này có thể là hành vi mua mô hoặc bộ phận cơ thể người; hành vi bán mô hoặc bộ phận cơ thể người; hành vi chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.Ví dụ: Người phạm tội thực hiện hành vi mua bán môhoặc bộ phận cơ thể người như thận, mắt, gan, tim …hoặc hành vi chiếm đoạt được thực hiện bằng thủ đoạn bắt cóc, gây mê rồi mổ lấy thận, gan, mắt…của nạn nhân.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 03năm đến 07 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**33. Tội làm nhục người khác (Điều 155 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là các hành vi có tính chất xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác. Biểu hiện của hành vi phạm tội này rất đa dạng, có thể qua lời nói hoặc cử chỉ như xỉ nhục, miệt thị, chửi rủa, nhổ vào mặt,xé cởi hết quần áo của người khác…

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**34. Tội vu khống (Điều 156 BLHS)**

Hành vi phạm tội này có thể là hành vi bịa đặtnhững thông tin, sự việc sai sự thậtdưới mọi hình thức như bằng lời nói, chữ viết, vẽ hình ảnh…; hành viloan truyền là hành vi đưa thông tin, sự việc sai sự thậttừ người này đến người khác dưới mọi hình thứcnhư bằng lời nói, qua mạng internet…; hành vi bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền như đơn tố giác sai sự thật bịa đặt ông A phạm tội tham ô tài sản…

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 01 năm đến 03 năm và khugn hình phạt thứ ba là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**III. CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO CỦA CON NGƯỜI,QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN**

Chương XV BLHS năm 2015 có 11 điều luật quy định về các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân.

**1. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157 BLHS)**

Hành vi của tội này là hành vi xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người, của công dân trái với thủ tục và thẩm quyền bắt, giữ hoặc giam người đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110), bắt người phạm tội quả tang (Điều 111), bắt người đang bị truy nã Điều112), bắt bị can, bị cáo để tạm giam (Điều 113), Tạm giữ (Điều117) và thời hạn tạm giữ (Điều 118), tạm giam (Điều 119.

Thủ đoạn của việc bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật có thể được thực hiện bằng nhiều thủ đoạn khác nhau như dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa dối…. Tuy nhiên thủ đoạn của việc bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm và do vậy nó không có ý nghĩa trong việc định tội.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong ba khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 2 năm đến 7 năm và khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 đến 5 năm.

**2. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác (Điều 158 BLHS)**

Hành vi phạm tội của tội này được thực hiện dưới 4 dạng hành vi sau:

- Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác là hành vi khám xét,lục soát chỗ ở của người khác để tìm người, đồ vật, tang chứng của hành động phạm pháp mà không được sự đồng ý của họ và trái với các quy định của pháp luật như hành vi của người không có thẩm quyền trong việc khám chỗ ở của người khác đã tự ý vào và khám xét chỗ ở của người khác mà không được sự đồng ý của họ…

- Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực, gây sức ép về tinh thần hoặc thủ đoạn trái pháp luật khác buộc người khác phải rời khỏi chỗ ở hợp pháp của họ;

- Dùng mọi thủ đoạn trái pháp luật nhằm chiếm, giữ chỗ ở hoặc cản trở trái phép, không cho người đang ở hoặc quản lý hợp pháp chỗ ở được vào chỗ ở của họ;

- Tự ý xâm nhập chỗ ở của người khác mà không được sự đồng ý của chủ nhà hoặc người quản lý hợp pháp.

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 2 lần trở lên; làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát… thì có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 đến 5 năm.

**3. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác (Điều 159 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là các hành vi như: chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào; cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông; nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật; khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật; hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

Hành vi trên chỉ cấu thành tội phạm khi chủ thể đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà họ đã thực hiện trước. Người phạm tội này có thể bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 2 lần trở lên; tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác; làm nạn nhân tự sát thì có thể bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**4. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 160 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân bằng một trong các thủ đoạn như lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc các thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân.

Người phạm tội này có thể bịphạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân thì có thể bị phạt tù từ 1 năm đến 2 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**5. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân bằng một trong các thủ đoạn như:Giả mạo giấy tờ; gian lận phiếu hoặc các thủ đoạn khác như đánh tráo hòm phiếu thật bằng hòm phiếu giả, hoặc tráo đổi phiếu bầu như hủy phiếu thật thay phiếu giả vào hoặc đưa thêm phiếu (phiếu không do cử tri đi bầu) làm thay đổi kết quả bầu cử hoặc trưng cầu dân ý theo ý muốn của người phạm tội.

Người phạm tội này có thể bịphạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân thì có thể bị phạt tù phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**6. Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật (Điều 162 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi ra quyết định buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức, viên chức; sa thải trái pháp luật đối với người lao động; cưỡng ép, đe dọa buộc người lao động, công chức, viên chức phải thôi.Các hành vi này chỉ cấu thành tội phạm khi làm cho người bị thôi việc, người bị sa thải hoặc gia đình họ lâm vào tình trạng khó khăn hoặc dẫn đến đình công.

Người phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: đối với 2 người trở lên; đối với phụ nữ mà biết là có thai; đối với người đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; làm người bị buộc thôi việc, người bị sa thải tự sát thì có thể bị phạt phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 3 năm. Ngoài ra, người phạm tội có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

**7. Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân (Điều 163 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi ngăn cản hoặc ép buộc công dân để không cho họ thực hiện một cách hợp pháp quyền hội họp, lập hội theo đúng quy định của pháp luật bằng các thủ đoạn như dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác có thể làuy hiếp tinh thần dọa gây thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để ngăn cản, ép buộc người khác lập hội hoặc giải tán cuộc họp hợp pháp hoặc dùng thủ đoạn gian dối, xuyên tạc khiến người khác hiểu sai, hiểu lầm dẫn đến họnghi ngờ, hoang mang, lo sợ không tham gia vào tổ chức hoặc ra khỏi tổ chức hội hợp pháp nào đó.

Hành vi trên chỉ cấu thành tội phạm khi chủ thể đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà họ đã thực hiện trước đó. Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 02 lần trở lên; dẫn đến biểu tình; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**8. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác (Điều 164 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi ngăn cản hoặc ép buộc người khác để không cho họ thực hiện một cách hợp pháp quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào bằng thù đoạn như dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác có thể là uy hiếp tinh thần dọa gây thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để ngăn cản, ép buộc người khác phải theo hoặc không theo một tôn giáo nàohoặc thủ đoạn xuyên tạc, nói xấu, miệt thị tôn giáo ngăn cản họ đi nhà thờ, đi chùa hành lễ.Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm khi chủ thể đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà họ đã thực hiện trước đó.

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 02 lần trở lên; dẫn đến biểu tình; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**9. Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới (Điều 165 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào. Hành vi cản trở được thực hiện bằng các thủ đoạn như dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần hoặc dùng thủ đoạn khác có thể là lợi dụng chức vụ quyền hạn để cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế.Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm khi chủ thể đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà họ đã thực hiện trước đó.

Người phạm tội này có thể bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên thì có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**10. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 166 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo. Hành vi phạm tội này cũng bao gồm hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo. Những hành vi này cấu thành tội khi đã gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo về vất chất hay tinh thần như không chịu nhận công chức, viên chức bị buộc thôi việc trái pháp luật trở lại làm việc đã gây thiệt hại về vật chất và tinh thần của người đó…

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đén 03 năm. Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; trả thù người khiếu nại, tố cáo là hành vi gây thiệt hại về thể chất, tài sản, tinh thần, quyền và lợi ích hợp pháp khác cho người khiếu nại, tố cáo vì họ đã khiếu nại, tố cáo… thì có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**11. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Điều 167 BLHS)**

Hành vi phạm tội này là hành vi cản trở công dân để không cho họ thực hiệnquyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân bằng các thủ đoạn như: dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác có thể là uy hiếp tinh thần dọa gây thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở người khác thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân.Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm khi chủ thể đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà họ đã thực hiện trước đó

Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.Nếu người phạm tội có một số tình tiết tăng nặng khác như: Có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**IV. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU**

**1.Khái quát chung về các tội xâm phạm sở hữu**

Các tội phạm xâm phạm sở hữu là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến quyền sở hữu của Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân. Các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Chương XVI gồm 13 điều từ Điều 168 đến Điều 180. Nhìn chung, các tội xâm phạm sở hữu có những đặc điểm sau:

* ***Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu:***

Về khách thể của nhóm tội phạm này có đặc điểm chung đó là quyền sở hữu, mà cụ thể là quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác.

Về đối tượng tác động của nhóm tội phạm này là tài sản, gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản (Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015). Trong đó, quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác (Điều 115 Bộ luật dân sự năm 2015) và đây được xem là một loại tài sản đặc biệt mà chỉ có chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu trao quyền mới có. Vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi, đối tượng tác động của nhóm tội này chỉ là vật, tiền và giấy tờ có giá.

Ngoài ra, đối với Tội cướp tài sản (Điều 168), Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169), Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170) còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân; tương ứng với đó, đối tượng tác động của các tội này còn có thể là con người.

* ***Chủ thể của các tội xâm phạm sở hữu:***

Phần lớn các tội phạm được quy định trong Chương này có chủ thể thường, nghĩa là người từ đủ 14 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Riêng đối với Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Điều 179, ngoài những dấu hiệu thông thường còn yêu cầu dấu hiệu đặc biệt đó là chủ thể phải là người “*có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp*”.

* ***Mặt khách quan của các tội xâm phạm sở hữu:***

Về hành vi khách quan, phần lớn dạng hành vi của nhóm tội phạm này là chiếm đoạt tài sản (08 tội từ Điều 168 đến Điều 175); ngoài ra còn có thể là hành vi làm hưu hỏng tài sản, chiếm giữ hoặc sử dụng trái phép tài sản…

Về hậu quả thiệt hại, trong một số cấu thành tội phạm vật chất như tội trộm cắp tài sản, tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản… thì tài sản bị chiếm đoạt hoặc bị hư hỏng là dấu hiệu bắt buộc. Tuy nhiên, đối với một số cấu thành tội phạm hình thức như tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản… thì hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc.

* ***Mặt chủ quan của các tội xâm phạm sở hữu:***

Phần lớn lỗi của người phạm tội trong nhóm tội phạm này là lỗi cố ý; chỉ có 02 tội người phạm tội có lỗi vô ý là Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179) và Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180).

Về động cơ phạm tội, chỉ có Tội sử dụng trái phép tài sản tại Điều 177 quy định động cơ vụ lợi là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này.

Về mục đích, chỉ có Tội Cướp tài sản (Điều 168), Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169) và Tội cướp giật tài sản (Điều 170) yêu cầu mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc.

* ***Đường lối xử lý:***

Hình phạt áp dụng cho nhóm tội phạm này có thể là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân. Trước đây, trong BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 có quy định mức hình phạt cao nhất trong nhóm tội này là tử hình (Tội cướp tài sản – Điều 133), tuy nhiên, với chính sách hình sự hướng thiện mà biểu hiện cụ thể là hạn chế áp dụng hình phạt tử hình, nhà làm luật đã bỏ hình phạt này ở Tội cướp tài sản.

**2.Các tội phạm cụ thể xâm phạm sở hữu**

***2.1.Tội cướp tài sản (Điều 168 BLHS)***

Đối chiếu với Điều 12 – Tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong BLHS năm 1999 thì chủ thể của Tội cướp tài sản là người từ 14 tuổi trở lên và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

 Về hành vi khách quan, tội cướp tài sản được thực hiện bởi một trong hành vi: dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được.

* Dùng vũ lực được hiểu là dùng sức mạnh để tấn công người quản lý tài sản hoặc người khác, có thể sự dụng công cụ, phương tiện hoặc không (như sử dụng súng để bắn, dao để đâm…). Và việc dùng vũ lực này phải nhằm mục đích làm cho người bị tấn công không còn khả năng để bảo vệ tài sản.
* Đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc là đe dọa dùng dùng vũ lực như đã phân tích trên nếu người bị tấn công không giao tài. Hành vi đe dọa phải quyết liệt, có thể kết hợp với hành động, thái độ, cử chỉ sản (như giơ súng dọa bắn, giơ dao dọa đâm…) để khiến người bị tấn công lo sợ và tin rằng nếu không giao tài sản người phạm tội sẽ sử dụng vũ lực.
* Hành vi khác làm cho người bị tấn công lầm vào tình trạng không thể chống cự được. Đây là hành vi làm người quản lý tài sản không còn khả năng để quản lý được tài sản của mình như nhốt vào phòng, khóa cửa lại hoặc lén bỏ thuốc ngủ vào cốc nước để nạn nhân uống...

 Tội cướp tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức, và chỉ cần người phạm tội có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được thì tội phạm đã hoàn thành.

 Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Đối với người chuẩn bị phạm tội cướp tài sản có thể phải chịu hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

 Người phạm tội cướp tài sản có thể phải chịu hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***2.2. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169 BLHS)***

 Chủ thể của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản có thể là người từ đủ 14 tuổi và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi bắt cóc người khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi bắt cóc là hành vi sử dụng sức mạnh vật chất hoặc thủ đoạn trái pháp luật (như dụ dỗ, lừa đảo người khác đi theo rồi bắt giữ) đưa người khác đến nơi nhất định, xâm hại tự do thân thể của họ để nhằm chiếm đoạt tài sản.

 Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức, nghĩa là chỉ cần người phạm tội có hành vi bắt cóc người khác và chứng minh được mục đích chiếm đoạt tài sản thì tội phạm hoàn thành.

Người phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản có lỗi cố ý trực tiếp và mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm này.

 Người thực hiện hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

 Người chuẩn bị phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***2.3.Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170 BLHS)***

 Hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản có thể là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc hành vi uy hiếp tinh thần người khác.

 + Hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực là hành vi dọa sẽ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe nếu nạn nhân không giao tài sản. Khác với đe dọa dùng vũ lực ở tội cướp tài sản là đe dọa ngay tức khắc, đe dọa sẽ dùng vũ lực của tội cưỡng đoạt tài sản ít mãnh liệt hơn và nạn nhân có thời gian để suy nghĩ, lựa chọn giao tài sản hay không.

 + Hành vi uy hiếp tinh thần là hành vi đe dọa gây thiệt hại về tài sản, danh dự, uy tín hoặc bất cứ thủ đoạn nào đối với nạn nhân hoặc người thân của họ để người bị đe dọa phải giao tài sản (ví dụ như đe dọa tố cáo hành vi vi phạm pháp luật hoặc tiết lộ bí mật cá nhân của nạn nhân…).

 Tội cưỡng đoạt là tội phạm có cấu thành hình thức, nghĩa là chỉ cần người phạm tội có một trong hai dạng hành vi trên thì tội phạm đã hoàn thành.

 Người phạm tội cưỡng đoạt tài sản có thể bị phạt tù tờ 01 năm đến 20 năm.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***2.4.Tội cướp giật tài sản (Điều 171 BLHS)***

Dấu hiệu đặc trưng của hành vi chiếm đoạt tài sản ở tội cướp giật tài sản là dấu hiệu công khai và dấu hiệu nhanh chóng.

* Tính công khai của hành vi thể hiện ở việc người phạm tội không giấu diếm hành vi của mình mà thực hiện ngay cả khi người chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản đang có mặt và họ có khả năng biết ngay khi hành vi xảy ra.
* Tính nhanh chóng của hành vi được thể hiện khi người phạm tội lợi dụng sơ hở của chủ tài sản tiếp cận và chiếm đoạt tài sản một cách bất ngờ trong một thời gian ngắn như giật tài sản, giành tài sản… Nhanh chóng ở đây là nhanh chóng tiếp cận, nhanh chóng chiếm đoạt và nhanh chóng lẩn tránh. Tuy nhiên dấu hiệu tẩu thoát không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này.

 Tội cướp giật tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức, nghĩa là chỉ cần người phạm tội có hành vi công khai và nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, không cần biết người đó đã lấy được tài sản hay chưa hoặc giá trị tài sản bao nhiêu thì tội phạm đã hoàn thành.

 Người phạm tội cướp giật tài sản có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

***2.5. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172 BLHS)***

 Dấu hiệu đặc trưng của hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi công khai lợi dụng tình trạng không có điều kiện bảo bảo vệ tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản (ví dụ người phạm tội lợi dụng người thợ điện đang sửa điện ở trên cao đã lấy chiếc xe máy dựng dưới đất…). Tình trạng người chủ hoặc quản lý tài sản không quản lý được tài sản là do khách quan và người đó phải biết được hành vi chiếm đoạt tài sản của người phạm tội nhưng do hoàn cảnh mà không thể bảo vệ được tài sản.

 Hành vi phạm tội này chỉ cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong số các dấu hiệu:

* Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên;
* Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn có hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản;
* Người phạm tội đã bị kết án về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản hoặc một trong các tội tại các Điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Hành vi công chiếm đoạt tài sản đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội – nghĩa là gây ra những tác động tiêu cực đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Và để đánh giá về tình tiết này phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể.;
* Tài sản bị chiếm đoạt là phương tiện sống chính của người bị hại và gia đình họ (Ví dụ như công nhiên lấy chiếc xe máy mà chiếc xe đó để người bố hành nghề xe ôm nuôi gia đình…).

 Người phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản có thể phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***2.6. Tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS)***

 Hành vi trộm cắp tài sản có dấu hiệu đặc trưng đó là lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ, nghĩa là tài sản đó đang ở trong sự chiếm hữu của người khác hoặc còn trong khu vực quản lí, bảo quản của chủ sở hữu tài sản. Lén lút được hiểu là cách thức tiến hành việc chiếm đoạt tài sản nhằm không cho chủ quản lý tài sản biết được. Sự che giấu này có thể là che giấu toàn bộ hành vi phạm tội đối với chủ sở hữu (ví dụ lợi dụng đêm tối, khi người trong nhà đã ngủ lẻn vào lấy xe mảy rồi bỏ đi…) hoặc che giấu tính bất hợp pháp của hành vi của mình (lợi dụng chủ nhà đi vắng đã mở khóa nhà, vận chuyển hết đồ đạc đi vờ như chuyển nhà giúp…).

 Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản chỉ cấu thành tội trộm cắp tài sản khi thỏa mãn một trong số các trường hợp sau:

* Tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên.
* Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn có hành vi trộm cắp tài sản;
* Người phạm tội đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản hoặc một trong các tội tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Hành vi trộm cắp tài sản đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
* Tài sản bị chiếm đoạt là phương tiện sống chính của người bị hại và gia đình họ;
* Tài sản là di vật, cổ vật; trong đó, di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học còn cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, có từ 100 năm tuổi trở lên[[1]](#footnote-1).

 Người phạm tội trộm cắp tài sản có thể phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***2.7. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS)***

 Hành vi khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản, nghĩa là hành vi khách quan này gồm 02 hành vi: hành vi gian dối là hành vi liền trước và là tiền đề của hành vi chiếm đoạt tài sản.

* Hành vi gian dối là hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm làm cho chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản tin tưởng. Hành vi gian dối có thể được thực hiện bằng lời nói, hành động, đưa ra giấy tờ giả…
* Hành vi chiếm đoạt sẽ ngay sau hành vi gian dối. Nghĩa là người phạm tội thực hiện hành vi gian dối nhằm làm chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản tin những thông tin đó là sự thật và giao tài sản cho người phạm tội.

 Hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản hoàn thành khi thỏa mãn một trong số các dấu hiệu sau:

* Tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên.
* Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản;
* Người phạm tội đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc một trong các tội tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
* Tài sản bị chiếm đoạt là phương tiện sống chính của người bị hại và gia đình họ.

 Người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm hoặc tù chung thân.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***2.8. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175BLHS)***

 Hành vi khác quan của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được biểu hiện dưới 02 dạng hành vi sau:

* Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả: Nghĩa là người phạm tội nhận được tài sản trên cơ sở hợp đồng ngay tình, đúng pháp luật tuy nhiên lại nảy sinh ý định chiếm đoạt và dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt (Ví dụ người phạm tội làm hợp đồng vay tiền người thân nhằm làm vốn kinh doanh; tuy nhiên sau đó do kinh doanh thất bại không có tiền trả nợ đã bỏ trốn…). Ngoài ra, người phạm tội còn có thể đến thời hạn trả lại tài sản, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả. Đây là dạng hành vi mới được hình sự hóa của Bộ luật hình sự năm 2015 so với Bộ luật hình sự năm 1999.
* Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản (như sử dụng đánh bạc, buôn lậu, buôn bán ma túy…)

 Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chỉ thỏa mãn cấu thành tội phạm này khi có thêm một trong số các dấu hiệu sau:

* Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 4.000.000 đồng trở lên;
* Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản;
* Người phạm tội đã bị kết án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hoặc một trong các tội tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Tài sản bị chiếm đoạt là phương tiện sống chính của người bị hại và gia đình họ.

 Người phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có thể phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***2.9. Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176 BLHS)***

 Đối tượng tác động của tội này những tài sản không có chủ hoặc chưa có chủ. Đó là những tài sản đã thoát ly khỏi sự chiếm hữu của chủ sở hữu như bị bỏ quên, bị đánh rơi, hoặc giao nhầm… Tài sản ở đây cũng có thể là di vật, cổ vật.

 Hành vi của tội phạm này là hành vi chiếm giữ trái phép. Người phạm tội có được tài sản một cách ngẫu nhiên và hợp pháp như tìm được, bắt được hoặc được giam nhầm… Tuy nhiên người phạm tội đã biến tài sản đó thành tài sản của mình một cách trái phép qua các hình thức như không trả lại tài sản được giao nhầm hoặc không nộp cho cơ quan có thẩm quyền đối với tài sản mà mình tìm được, bắt được… mà tiếp tục sử dụng.

 Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản chỉ cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong các dấu hiệu:

* Tài sản mà người phạm tội chiếm giữ có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên
* Tài sản là di vật, cổ vật.

Người phạm tội có thể phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm.

***2.10. Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177 BLHS)***

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác, cụ thể đó là hành vi khai thác giá trị sử dụng của tài sản mà không được sự cho phép của chủ sở hữu như tự ý lái xe ô tô của người khác để chở hàng của mình rồi sau đó trả về chỗ cũ… và việc sử dụng đó không làm mất hẳn tài sản.

 Hành vi sử dụng trái phép tài sản chỉ cấu thành tội phạm khi hành vi đó thỏa mãn một trong số các dấu hiệu:

* Giá trị tài sản bị sử dụng trái phép từ 100.000.000 đồng trở lên nhưng gười phạm tội đã bị xử lí kỉ luật; hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm kỉ luật hoặc hành chính mà lại có hành vi sử dụng trái phép tài sản; hoặc người phạm tội đã bị kết án về tội sử dụng trái phép tài sản, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sử dụng trái phép tài sản;
* Giá trị tài sản bị sử dụng trái phép dưới 100.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cố vật nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 219 và Điều 220. Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Ngoài ra, động cơ vụ lợi là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm này, nghĩa là người phạm tội nhằm thu về lợi ích vật chất mà đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép tài sản.

 Người phạm tội sử dụng trái phép tài sản có thể phải chịu hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phải cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.11. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178 BLHS)***

 - Đối với tội hủy hoại tài sản, đó là hành vi làm mất hoàn toàn giá trị sử dụng của tài sản được biểu hiện dưới dạng hành động (như đập, phá, đốt…) hoặc dưới dạng không hành động (như không tắt máy dẫn đến máy bị phá hỏng hoàn toàn…)

 - Đối với tội cố ý làm hư hỏng tài sản, đó là hành vi làm giảm giá trị sử dụng của tài sản (như đập vỡ kính ô tô, vẽ hoặc cào xước lên xe ô tô của người khác…). Khác với hành vi hủy hoại tài sản, trong trường hợp này, tài sản vẫn có thể sửa chữa, khắc phục được.

 Hậu quả là yếu tố bắt buộc của các tội phạm này, theo đó, tài sản bị hủy hoại hoặc hư hỏng phải có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:

* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, chưa hết thời hạn bị coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn vi phạm;
* Đã bị kết án về tội hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Hành vi gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
* Tài sản bị hư hỏng hoặc hủy hoại là phương tiện kiến sống chính của người bị hại và gia đình họ;
* Tài sản bị hư hỏng hoặc hủy hoại là di vật, cổ vật.

Người phạm tội này có thể phải chịu hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.12. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179 BLHS)***

Đây là tội duy nhất trong Chương XVI – Các tội xâm phạm sở hữu quy định chủ thể đặc biệt, là người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Chủ thể của tội phạm này bao gồm tất cả những người, do công tác được giao nên có trách nhiệm với tài sản, không chỉ là trách nhiệm quản lí (như thủ trưởng cơ quan, giám đốc doanh nghiệp…) mà còn có thể là trách nhiệm trông coi, bảo vệ, bảo quản tài sản (như bảo vệ, công nhân được giao thiết bị, lái xe…).

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi thiếu trách nhiệm, cụ thể là hành vi vi phạm (không thực hiện hoặc thực hiện không đúng) những quy định về quản lí, sử dụng, bảo vệ tài sản (ví dụ bảo vệ cơ quan do uống rượu ngủ quên để người khác vào trộm cắp tài sản của cơ quan…).

 Tội phạm này có cấu thành tội phạm vật chất, theo đó hậu quả là dấu hiệu bắt buộc. Hậu quả của tội phạm là mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại chco Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 100.000.000 đồng trở lên.

 Như đã nói ở trên, đây là một trong hai tội trong Chương XVI người phạm tội có lỗi vô ý.

Người phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể phải chịu hình phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 10 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.13. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180 BLHS)***

Tội phạm này có cấu thành tội phạm vật chất. Theo đó, hành vi khách quan và hậu quả là dấu hiệu bắt buộc.

* Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm (không tuân thủ hoặc tuân thủ không đúng) những quy tắc sinh hoạt xã hội thông thường liên quan đến việc bảo vệ tài sản và những quy tắc này ai cũng có thể biết và có nghĩa vụ phải tuân thủ nhằm tránh gây ra những thiệt hại về tài sản[[2]](#footnote-2).
* Hậu quả của hành vi phạm tội là gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

 Người phạm tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản có thể phải chịu hình phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 năm đến 02 năm.

**V.** **CÁC TỘI XÂM PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**1. Khái quát chung về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình**

 Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm đến chế độ hôn nhân và gia đình. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình được quy định tại Chương XVII gồm 07 điều từ Điều 181 đến Điều 187. Như vậy, so với Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 đã bỏ một điều luật trong Chương này – Tội đăng ký kết hôn trái pháp luật (Điều 149). Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình có đặc điểm chung sau:

* ***Khách thể của các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình:***

Khách thể của nhóm tội phạm này là quan hệ hôn nhân và gia đình. Đối chiếu với các hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 thì các quan hệ đó có thể là quan hệ kết hôn, ly hôn, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình và cấp dưỡng.

* ***Chủ thể của các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình:***

Chủ thể thực hiện các hành vi này phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ.

* ***Mặt khách quan của các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình:***

Hành vi nguy hiểm cho xã hội ở đây là những hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ hôn nhân và gia đình.

Tại một số cấu thành tội phạm còn yêu cầu dấu hiệu hậu quả như tại Điều 182 – Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng hoặc Điều 186 – Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng.

* ***Mặt chủ quan các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình:***

Lỗi của người phạm tội khi thực hiện những hành vi này đều là lỗi cố ý.

* ***Đường lối xử lý:***

Hình phạt được áp dụng đối với người thực hiện những hành vi xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình có thể là cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm.

**2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm sở hữu**

***2.1. Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện (Điều 181BLHS)***

Điều luật này quy định 04 tội danh: Tội cưỡng ép kết hôn, Tội cưỡng ép ly hôn, Tội cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc Tội cản trở ly hôn tự nguyện.

 Tương ứng với 04 tội danh trên là 04 hành vi khách quan:

* Hành vi cưỡng ép kết hôn là buộc người khác phải lấy vợ hoặc chồng trái với sự tự nguyện của họ.
* Hành vi cưỡng ép ly hôn là buộc người khác phải ly hôn trái với sự tự nguyện của họ.
* Hành vi cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hành vi ngăn cản người khác không được kết hôn theo ý muốn của họ khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hoặc ngăn cản người khác duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.
* Hành vi cản trở ly hôn tự nguyện là hành vi ngăn cản người khác ly hôn khi người đó mong muốn hoặc có sự thuận tình của người vợ hoặc người chồng.

 Thủ đoạn phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này, theo đó các hành vi trên chỉ thỏa mãn cấu thành tội phạm khi được thực hiện bằng một trong các thủ đoạn:

* Hành hạ: Là hành vi đối xử tàn án người lệ thuộc mình làm họ đau đớn như đánh đập, bắt giữ…
* Ngược đãi: Là hành vi đối xử tồi tệ người lệ thuộc mình về mặt tinh thần như thường xuyên mắng chửi, làm nhục…
* Uy hiếp tinh thần: Là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc hành vi khác gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm… của người khác (ví dụ dọa đánh, dọa giết hoặc dọa tung bí mật đời tư…).
* Yêu sách của cải: Là hành vi đòi hỏi của cải như là một trong những điều kiện bắt buộc để được kết hôn hoặc ly hôn (ví dụ phải đưa một khoản tiền nhất định mới đồng ý cho phép kết hôn…).
* Thủ đoạn khác: Là những hành vi vi phạm pháp luật khác có tính chất tương tự các thủ đoạn trên như thách cưới quá cao khiến cho người bị thách cưới không có khả năng lo liệu để không cho kết hôn.

 Bốn hành vi trên cùng các thủ đoạn đã nêu chỉ có thể bị xử lý hình sự khi trước đó người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này.

Tội phạm này chỉ có 01 khung hình phạt, theo đó người phạm tội có thể bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.

***2.2. Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng (Điều 182 BLHS)***

 Người phạm tội có hành vi khách quan đó là kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác khi đang có vợ hoặc có chồng hoặc tuy chưa có vợ, chưa có chồng nhưng lại có hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ đang có vợ hoặc có chồng. Theo đó, đang có vợ hoặc có chồng được hiểu là trường hợp đã kết hôn (có giấy đăng kí kết hôn) và chưa chấm dứt quan hệ vợ chồng bằng quyết định có hiệu lực của tòa án. Hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác là trường hợp hai bên đã tiến hành tổ chức đám cưới theo tục lệ hoặc đã có giấy đăng kí kết hôn hoặc tuy chưa đăng lí kết hôn nhưng đã sống chung với nhau như một gia đình, chứng minh bằng việc có con chung, được hành xóm và xã hội xung quanh coi như vợ chồng, có tài sản chung đã được gia đình cơ quan, đoàn thể giáo dục mà vẫn tiếp tục duy trì quan hệ đó[[3]](#footnote-3).

 Hành vi khách quan trên chỉ cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong các điều kiện:

* Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn;
* Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng; chưa hết thời hạn để xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại có hành vi phạm tội trên.

Người phạm tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng có thể phải chịu hình phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.

***2.3. Tội tổ chức tảo hôn (Điều 183 BLHS)*.**

Trước đây, tại Điều 148 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định 02 tội danh, tuy nhiên Bộ luật hình sự năm 2015 đã phi hình sự hóa một trong 02 hành vi này – đó là tảo hôn mà chỉ còn giữ lại tội tổ chức tảo hôn.

Hành vi khách quan của tội phạm này là sắp đặt, quyết định và tiến hành việc lấy vợ hoặc lấy chồng cho một trong hai hoặc cả hai người chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình (nữ chưa đủ 18 tuổi và nam chưa đủ 20 tuổi). Tội phạm chỉ hoàn thành khi người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

Người phạm tội thực hiện hành vi trên có thể bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

***2.4. Tội tổ chức tảo hôn (Điều 184 BLHS)*.**

 Tội phạm này được quy định trong Luật hình sự xuất phát từ cơ sở khoa học của sự cần thiết tránh di truyền huyết thống có hại đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con cái cũng như yêu cầu bảo vệ thuần phong mỹ tục và hạnh phúc gia đình.

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi thuận tình giao cấu giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ (nghĩa là giữa cha mẹ và con, giữa ông bà với cháu nội, cháu ngoại; giữa anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha).

 Tội phạm này là tội phạm có cấu thành hình thức, nghĩa là chỉ cần có hành vi giao cấu thuận tình giữa những người trên thì tội phạm đã hoàn thành.

Cũng như các tội phạm khác trong chương này, lỗi của người phạm tội loạn luân là lỗi vô ý. Tuy nhiên, nhà làm luật nhấn mạnh trong cấu thành tội phạm về ý chí, người phạm tội phải “*biết rõ*” người thuận tình giao cấu với mình là người có cùng dòng máu trực hệ.

Người phạm tội loạn luân có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

***2.5. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình (Điều 185 BLHS)***

Bên cạnh khách thể là quan hệ gia đình, khách thể của tội phạm này còn là quyền nhân thân của người bị ngược đãi hoặc hành hạ.

 Đối tượng tác động của tội phạm này là con người, cụ thể là người thân của người phạm tội – ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng người phạm tội.

 Bộ luật hình sự năm 2015 đã làm rõ hành vi khách quan của điều luật này hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, theo đó người phạm tội có hành vi:

* Đối xử tồi tệ là hành vi xử sự bất công trong cuộc sống gia đình như điều kiện ăn, ở, hoặc sinh hoạt khác (có thể bỏ đói, cho mặc rách rưới, ở nơi bẩn thỉu…).
* Hành vi bạo lực xâm phạm thân thể có tính chất nghiêm trọng hơn hành vi đối xử tồi tệ, theo đó, người phạm tội có hành vi dùng vũ lực như đấm, đá hoặc dùng công cụ như gậy, roi… tác động đến thân thể nạn nhân và gây đau đớn.

 Những hành vi trên cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong hai dấu hiệu sau:

* Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;
* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn vi phạm.

Người phạm tội này có thể bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.

***2.6. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 186 BLHS)***

 Khách thể của tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng là quyền được cấp dưỡng.

 Đối tượng tác động của tội phạm này là người mà người phạm tội có nghĩa vụ cấp dưỡng trong mối quan hệ cấp dưỡng như giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ngoại với cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng[[4]](#footnote-4).

Hành vi khách quan của tội phạm này đó là người phạm tội có nghĩa vụ cấp dưỡng và có điều kiện cấp dưỡng đã từ chối – phủ nhận, không thực hiện hoặc trốn tránh – thoái thác, lảng tránh hoặc trì hoãn viêc đóng góp tiền, tài sản để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

 Tội phạm này có cấu thành vật chất, theo đó, nếu người phạm tội có hành vi trên dẫn đến hậu quả người được cấp dưỡng lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe thì cấu thành tội phạm này.

 Hoặc nếu nhân thân của người phạm tội đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi này, chưa hết thời hạn để được xem là chưa bị xử lí vi phạm hành chính mà còn vi phạm thì cũng cấu thành tội phạm này.

 Ngoài ra, nếu nghĩa vụ cấp dưỡng của người phạm tội được quyết định trong một bản án có hiệu lực pháp luật mà người đó cố tình không chấp hành, mặc dù đã bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết thì bị truy cứu TNHS theo Điều 380 Bộ luật hình sự năm 2015 – Tội không chấp hành án.

 Người phạm tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng có thể bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

***2.7. Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 187 BLHS)***

 Tội phạm tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015.

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi tổ chức mang thai hộ qua các hoạt động như tìm kiếm, rủ rê người khác mang thai hộ; sắp xếp cho người mang thai hộ mang thai; thu xếp nơi ăn, nghỉ, sinh con cho người mang thai hộ; giao con cho người nhờ mang thai hộ…

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, đồng thời dấu hiệu mục đích thương mại – người phạm tội thực hiện hành vi nhằm đạt được một lợi ích vật chất hoặc nhận tiền môi giới là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này để phân biệt với trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đã được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận.

 Người tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại có thể phải chịu hình phạt là 02 năm cải tạo không giam giữ hoặc mức phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm.

 Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**VI. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ**

**1. Khái quát chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế**

Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cô ý hoặc vô ý xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế được quy định tại Chương XVIII gồm 47 điều từ Điều 188 đến Điều 234, chia làm 03 mục:

* Mục 1: Các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại: gồm 12 điều luật (Từ Điều 188 đến Điều 199);
* Mục 2: Các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm: gồm 17 điều luật (Từ Điều 200 đến Điều 216);
* Mục 3: Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gồm 18 điều luật (Từ Điều 217 đến Điều 234).

*a. Khách thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:*

Các tội phạm tại Chương này xâm phạm đến các quan hệ về trật tự quản lý kinh tế trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Tùy vào từng loại tội phạm cụ thể mà hành vi phạm tội xâm phạn đến các quan hệ kinh tế khác nhau như quan hệ xuất, nhập khẩu trong lĩnh vực ngoại thương; quan hệ về tín dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; quan hệ về quản lí đất đai hay các lĩnh vực kinh tế khác[[5]](#footnote-5)…

*b. Chủ thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:*

Chủ thể của các tội phạm này là người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Ngoài ra, một số tội phạm khác còn yêu cầu một số dấu hiệu đặc biệt khác của chủ thể.

 Điều đặc biệt của nhóm tội phạm này đó là pháp nhân thương mại lần đầu tiên được ghi nhận là chủ thể của một số tội phạm.

*c. Mặt khách quan của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:*

Hành vi khách quan của nhóm tội phạm này là các hành vi xâm phạm đến các quan hệ kinh tế theo những phương thức khác nhau như gian dối hoặc các hành vi sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển hàng cấm,…

 Hậu quả của tội phạm có thể là dấu hiệu bắt buộc của một số tội phạm được thể hiện dưới dạng gây thiệt hại về vật chất ở mức độ nhất đinh; ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh…

*d. Mặt chủ quan của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:*

Người phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế chủ yếu có lỗi cố ý và một số tội phạm có động cơ như tư lợi hoặc động cơ cá nhân khác là dấu hiệu bắt buộc.

*e. Đường lối xử lý các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:*

Hình phạt áp dụng đối với người thực hiện hành vi xâm phạm trật tự quản lý kinh tế khá đa dạng, có thể là hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, chung thân hoặc tử hình.

 Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, hình phạt có thể là hình phạt tiền tư 100.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

**2. Các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại**

***2.1. Tội buôn lậu (Điếu 188 BLHS)*.**

 Hành vi phạm tội buôn lậu đã xâm phạm chính sách quản lí về ngoại thương của nhà nước; xâm phạm trật tự quản lí hành chính ở khu vực biên giới và chính sách quản lí xuất nhập khẩu của nhà nước.

 Đối tượng tác động của tội phạm này là hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kum khí quý, đá quý; di vật, cổ vật. Nếu hàng hóa là đối tượng tác động của tội phạm khác được quy định trong BLHS năm 2015 như hàng cấm, ma túy… thì sẽ không được định tội theo Điều này.

 Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi buôn bán trái phép qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại (Ví dụ hành vi đưa hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam mà không kê khai hải quan nhằm mục đích buôn bán hoặc đưa vàng từ nước ngoài vào Việt Nam nhằm bán kiếm lời…).

 Địa điểm phạm tội – biên giới hoặc khu phi thuế quan là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Theo đó, biên giới có thể trên đất liền, trên biển hoặc đường không… Còn khu phi thuế quan là địa điểm mới được bổ sung của tội phạm này. Đây là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng[[6]](#footnote-6)…

 Hành vi buôn bán trái phép này thỏa mãn cấu thành tội phạm buôn lậu nếu thỏa mãn một trong các dấu hiệu sau:

* Hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá trừ 100.000.000 đồng trở lên;
* Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của BLHS năm 2015này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Vật phạm pháp là di vật, cổ vật.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm. Người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

 Pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm này có thể phải chịu hình phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***2.2. Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189 BLHS)***

 Khách thể và đối tượng tác động của tội phạm này giống với Tội buôn lậu. Về hành vi khách quan của tội phạm là hành vi vận chuyển trái phép qua biên giớ hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại, thông qua việc trốn tránh sự kiểm soát của hải quan hoặc cơ quan quản lý cửa khẩu (như giả mạo giất tờ hoặc không có giấy tờ hợp pháp…) và điều kiện tội phạm hoàn thành tương tự Điều 188. Tuy nhiên cần chú ý, trong trường hợp người vận chuyển thuê qua biên giới mà có mục đích để buôn bán hoặc biết rõ mục đích của người thuê là buôn bán kiếm lời thì phải định tội là Tội buôn lậu hoặc đồng phạm Tội buôn lậu.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng. phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 10 năm. Người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm này có thể phải chịu hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***2.3. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190 BLHS)***

Tội phạm này xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về một số loại hàng hóa nhất định. Về đối tượng tác động của tội phạm này là các loại hàng cấm gồm hàng hóa cấm kinh doanh; cấm lưu hành, sử dụng; hàng hóa chưa được phép lưa hành, sử dụng tại Việt Nam[[7]](#footnote-7). Ngoài ra, một số loại hàng cấm như các chất ma túy, vũ khí quân dụng… đã là đối tượng tác động của tội phạm khác thì không là đối tượng tác động của tội phạm này.

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi:

* Sản xuất hàng cấm: là hành vi sản xuất hàng cấm; nếu người phạm tội chỉ tham gia vào một trong các giai đoạn thì tội phạm này cũng đã hoàn thành (ví dụ như đóng gói để bán ra thị trường).
* Buôn bán hàng cấm: là hành vi mua đi, bán lại các loại hàng cấm nhằm mục đích thu lời bất chính.

Những hành vi khách quan này chỉ hoàn thành khi người phạm tội thực hiện với định lượng từng loại hàng cấm phù hợp quy định tại Điều 190 hoặc sản xuất, buôn bán hàng hóa dưới mức quy định nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hànhvi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của BLHS năm 2015 hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm này có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Hình phạt bổ sung có thể là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***2.4. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191 BLHS)*.**

Khách thể và đối tượng tác động của tội phạm này giống với Tội buôn bán hàng cấm. Về hành vi khách quan của tội phạm là hành vi tàng trữ - cất giữ trái phép hàng cấm (ví dụ cất giữ để sử dụng, tặng…) hoặc vận chuyển trái phép hàng cấm và điều kiện tội phạm hoàn thành tương tự Điều 190. Tuy nhiên cần chú ý, trong trường hợp mục đích của người tàng trữ hoặc vận chuyển là để sản xuất hoặc buôn bán thu lời thì phải định tội là Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 10 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm này có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Hình phạt bổ sung có thể là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***2.5. Nhóm tội phạm sản xuất, buôn bán các loại hàng giả: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú ý, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi (Điều 195).***

Các tội phạm liên quan đến hàng giả xâm phạm đến lợi ích của người tiêu dùng; trật tự, quản lí thị trường; chế độ lưu thông hàng hóa của Nhà nước.

 Đối tượng tác động của các tội phạm này là các loại hàng giả[[8]](#footnote-8); theo đó có thể là hàng giả về hình thức hoặc giả về nội dung. Giả về hình thức là trường hợp hàng hóa có sự trùng lặp hoặc gần giống về tên gọi, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp hay xuất xử, nguồn gốc, chỉ dẫn địa lí đối với hàng hóa cùng loại đã có trên thị trường nhưng chất lượng, cộng dụng… của hàng hóa đảm bảo bằng hoặc cao hơn hàng thật. Giả về nội dung tức là giả về chất lượng và công dụng của hàng hóa đã có mặt trên thị trường – tức là loại hàng hóa này không có chất lượng, công dụng như loại hàng hóa mà nó mang tê hoặc chất lượng, thành phần chính thấp hơn mức chất lượng, thành phần đã đăng kí (từ 70% trở xuống), ví dụ như sản phẩm ghi là mật ong nhưng thành phần không có mật ong mà là hỗn hợp từ các chất khác… Các quan điểm hiện nay cho rằng chỉ hàng giả về nội dung mới là đối tượng tác động của các tội phạm này còn hàng giả về hình thức chủ yếu xâm phạm đến quyền sở hữu công nghiệp như nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lí của hàng hóa nên thông thường sẽ bị xử lí theo Điều 226 – Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

 Hành vi khách quan của nhóm tội phạm này là hành vi buôn bán, sản xuất các loại hàng giả. Trong đó đối với các tội tại Điều 193 - Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm và Điều 194 - Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh thì chỉ cần người phạm tội có hàng vi sản xuất, buôn bán các loại hàng giả này thì tộ phạm đã hoàn thành. Còn các tội phạm khác tại Điều 192 và Điều 195 thì hành vi khách quan phải thỏa mãn thêm một trong số các điều kiện được quy định tại khoản 1 của các điều này.

 Về đường lối xử lí, hình phạt áp dụng cho cá nhân phạm tội có thể là phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt tù từ 01 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Hình phạt tử hình được quy định duy nhất tại Điêu 194 vì tính chất đặc biệt nguy hiểm của hành vi phạm tội. Ngoài ra, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tái sản.

 Đối với pháp nhân thương mại phạm tội có thể phải chịu hình phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân thương mại phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***2.6. Tội đầu cơ (Điều 196 BLHS)*.**

Hành vi đầu cơ xâm phạm đến quan hệ lưu thông hàng hóa cũng như lợi ích của người tiêu dùng. Đối tượng của tội phạm này là hàng hóa thuộc danh mục hàng bình ổn giá hoặc thuộc danh mục hàng hóa được Nhà nước định giá[[9]](#footnote-9).

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi mua vét hàng hóa nhằm thu lợi bất chính. Hoàn cảnh phạm tội cũng là một dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm này, đó là tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc tình hình khó khăn về kinh tế. Người phạm tội đã lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả (như người kinh doanh cố ý giữ hàng không bán ra thị trường tạo sự khan hiếm giả…) để phạm tội. Hành vi trên cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong số các trường hợp:

* Hàng hóa trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên;
* Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên.

Về đường lối xử lý, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 15 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Pháp nhân thương mại phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng; ngoài ra còn có thể bị phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***2.7. Tội quảng cáo gian dối (Điều 197).***

 Hành vi khách quan của tội phạm này hành vi quảng cáo gian dối – đưa ra thông tin không đúng sự thật về nguồn gốc, xuất xứ, tính năng, công dụng… của loại hàng hóa hoặc dịch vụ nhất định. Hành vi trên chỉ cấu thành tội phạm nếu về nhân thân, người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Ngoài ra, hình phạt bổ sung đối với tội phạm này là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.8. Tội lừa dối khách hàng (Điều 198 BLHS)***

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi mua bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ gian dối, bao gồm các hành vi như cân, đong, đo, đếm, tính gian hàng hóa, dịch vụ hoặc thủ đoạn gian dối như lắp con chíp vào cây xăng để bơm thiếu cho khách hàng mà không bị phát hiện… Vậy làm thế nào để phân biệt thủ đoạn gian dối trong tội phạm này với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản? Theo quan điểm của chúng tôi, nếu chứng minh được mục đích của người phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của người khác thì sẽ phải định tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 BLHS năm 2015.

 Hành vi khách quan của tội phạm này chỉ cấu thành tội phạm khi thuộc một trong số các dấu hiệu sau:

* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội có thể bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.9. Tội vi phạm quy định về cung ứng điện (Điều 199 BLHS)***

 Chủ thể của tội phạm này là người có trách nhiệm trong cung ứng hoặc xử lí sự cố điện.

 Hành vi khách quan của chủ thể này là đóng điện, cắt điện không có căn cứ hoặc không thông báo; từ chối cung cấp điện không có căn cứ theo quy định pháp luật hoặc trì hoãn xử lí sự cố về điện không có lí do chính đáng gây ra một trong số các hậu quả sau thì cấu thành tội phạm:

* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;
* Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

Hoặc về nhân thân, người phạm tội đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**3. Các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.**

***3.1. Tội trốn thuế (Điều 200 BLHS)*.**

 Tội phạm trốn thuế xâm hại đến chính sách thuế của nhà nước.

Trước đây, trong BLHS năm 1999 chỉ quy định hành vi khách quan của của tội phạm này là hành vi trốn thuế. Tuy nhiên, trong BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa với các hành vi này (khoản 1). Và những hành vi trên cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong số các trường hợp:

* Trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;
* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, chưa hết thời hạn bị xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lại tiếp tục vi phạm;
* Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn phạm tội.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cầm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

 Pháp nhân thương mại phạm tội có thể phải chịu hình phạt tiền từ 300.000.000 đồng 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt đồng có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình bị hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân thương mại phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***3.2. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (Điều 201 BLHS)***

Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xâm phạm đến chế độ quản lý về tín dụng của nhà nước với hành vi cho vay thỏa mãn các dấu hiệu sau:

* Mức lãi suất cho vay gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 (cụ thể là từ 100%/ năm[[10]](#footnote-10)).
* Dấu hiệu hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm, theo đó, người phạm tội thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc về nhân thân, người đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cho vay lãi nặng, chưa hết thời hạn để được xem là chưa bị xử phạt mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Người phạm tội còn có thể phải chịu một số hình phạt bổ sung khác như phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

***3.3. Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả (Điều 202 BLHS)***

Tội phạm này xâm phạm đến chế độ quản lý tem, vé của nhà nước. Tem, vé được làm giả có thể là vé xổ sổ, tem bưu chính, tem chống hàng giả… và những loại tem, vé này đang có giá trị lưu thông. Hành vi khách quan là hành vi làm – như vẽ, in, sao chụp hoặc hành vi buôn bán – mua đi bán lại các loại tem vé giả nhằm mục đích thu lợi bất chính. Hành vi làm hoặc buôn bán này thỏa mãn cấu thành tội phạm khi thuộc một trong số các trường hợp:

* Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng từ 15.000 đơn vị đến dưới 30.000 đơn vị;
* Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

Người phạm tội làm, buôn bán tem giả, vé giả có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***3.4. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 203 BLHS*)**

 Khách thể của người phạm tội xâm phạm đến hoạt động quản lý ngân sách của Nhà nước. Đối tượng tác động của tội phạm là hóa đơn xuất khẩu; hóa đơn giá trị gia tăng; các hóa đơn khác như tem, vé, thẻ… hoặc lệnh thu nộp ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, bảng kê nộp thuế, biên lai thu ngân sách nhà nước và chứng từ phục hồi trong quản lý thu ngân sách nhà nước…[[11]](#footnote-11).

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi in, phát hành, mua bán không đúng pháp luật hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước. Hành vi này cấu thành tội phạm khi thỏa mãn một trong số các dấu hiệu:

* Hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số;
* Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số;
* Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

 Pháp nhân thuwong mại phạm tội có thể phải chịu hình phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền là hình phạt bổ sung tối đa 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***3.5. Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 204 BLHS)***

Khách thể và đối tượng tác động của tội phạm này tương tự quy định tại Điều 203; tuy nhiên có một số đặc điểm khác sau:

 Người phạm tội này phải là người có trách nhiệm bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước.

 Theo thông tư liên tịch 10/2013/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTC thì hành vi vi phạm quy định của Nhà nước về bảo quản, quản lý hóa đơn chứng từ là:

* Lưu trữ, bảo quản hóa đơn không đúng quy định;
* Không báo cáo hoặc báo cáo không chính xác tình hình sử dụng, thanh toán, quyết toán hóa đơn;
* Làm hư hỏng, mất hóa đơn;
* Thực hiện hủy hóa đơn không đúng quy định của pháp luật;
* Xử lý việc mất, cháy, hỏng hóa đơn không đúng quy định của pháp luật.

Tội phạm này có cấu thành vật chất, theo đó hành vi chỉ cấu thành tội phạm khi có hậu quả là thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc cho người khác từ 100.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***3.6. Tội lập quỹ trái phép (Điều 205 BLHS)***

Tội phạm này có chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

 Người phạm tội đã có hành vi lập quỹ trái phép và sử dụng quỹ đó vào mục đích trái phép. Tội phạm này yêu cầu dấu hiệu hậu quả, theo đó hành vi phạm tội phải gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc về nhân thân, người đó đã bị xử lý kỉ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 10 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***3.7. Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206 BLHS)***

 Hành vi khách quan của tội phạm này là những hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng đã được liệt kê cụ thể trong cấu thành tội phạm.

 Tội phạm này quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc, theo đó hành vi phạm tội phải gây thiệt hại cho người khác về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***3.8. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả (Điều 207 BLHS)***

 Hành vi phạm tội xâm phạm đến chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước.

 Đối tượng tác động của tội phạm này là các loại tiền hoặc ngoại tệ đang được phép lưu hành và có giá trị thành toán tại Việt Nam.

Tội phạm này có cấu thành tội phạm hình thức, theo đó chỉ cần người phạm tội có một trong số các hành vi khách quan sau:

* Làm như vẽ, sao chụp, chép hoặc các thủ đoạn khác làm tiền giả;
* Tàng trữ tiền giả là cất giữ trái phép tiền giả;
* Vận chuyển tiền già là chuyền tiền giả từ địa điểm này đến địa điểm khác;
* Lưu hành tiền giả là mua đi bán lại bằng tiền giả và đưa tiền giả vào thị trường.

Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 năm đến tù chung thân. Người có hành vi chuẩn bị phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***3.9. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá trị giả khác (Điều 208 BLHS)***

 Khách thể của tội phạm này là chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước.

Đối tượng tác động của tội phạm là công cụ chuyển nhượng – là các giấy tờ có giá ghi nhận mệnh lệnh thanh toán hoặc cam kết thanh toán không điều kiện một số tiền xác định vào một thời điểm nhất định[[12]](#footnote-12) như séc, hối phiếu đòi nợ… hoặc giấy tờ có giá – bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác[[13]](#footnote-13).

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác.

Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***3.10. Các tội phạm xâm phạm đến hoạt động chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209); Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210); Tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211); Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212).***

Người phạm tội đã có những hành vi khách quan:

* Công bố thông tin sai lệch; hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chào bán, niêm yết, giao định, hoạt động kinh doanh chứng khoán, tổ chức thị trường, đăng ký, lưu lý, bù trừ hoặc thanh toán chứng khoán[[14]](#footnote-14) (Điều 209);
* Sử dụng thông tin liên quan đến công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng (Điều 210);
* Có một trong số các hành vi thao túng thị trường chứng khoán (Khoản 1 Điều 211);
* Làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khóa (Điều 212).

 Những tội phạm trên có cấu thành vật chất, theo đó yêu cầu dấu hiệu hậu quả như gây thiệt hại cho nhà đầu tư hoặc thu lợi bất chính với giá trị được quy định trong từng cấu thành tội phạm hoặc đối với cấu thành tội phạm tại Điều 209, nhân thân người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm cũng là dấu hiệu của tội phạm này.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

 Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn và chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***3.11. Các tội xâm phạm hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213); Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Điều 214); Tội gian lận bảo hiểm y tế (Điều 215); Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216)*.**

 Hành vi khách quan của các tội phạm này có thể là:

* Hành vi gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (gồm các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 213);
* Hành vi gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (gồm các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 214);
* Hành vi gian lận bảo hiểm y tế (gồm các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 215);
* Hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với số tiền từ 50.000.000 đồng hoặc 10 người trở lên và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm (Điều 216).

 Ngoại trừ tội phạm tại Điều 216 có cấu thành tội phạm hình thức, còn những tội phạm khác trong nhóm này đều có cấu thành tội phạm vật chất, theo đó yêu cầu hậu quả của tội phạm là chiếm đoạt tiền bảo hiểm hoặc gây thiệt hại với giá trị được quy định trong từng điều luật.

Người phạm tội trong nhóm tội này có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến tối đa là 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm phạt phạt tù từ 03 tháng đến 10 năm. Ngoài ra, hình phạt tiền còn có thể là hình phạt bổ sung hoặc người phạm tội có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

 Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể là chủ thể của tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với mức phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng.

**4. Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế**

Trong 18 điều luật trong mục này có 11 điều luật quy định các tội danh mới. Thực chất những tội danh này đã được quy định trong BLHS năm 1999 nhưng được cụ thể hóa hoặc tách hành vi trong BLHS năm 2015 như Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp (Điều 217a) là một dạng hành vi của Tội kinh doanh trái phép – Điều 159 BLHS năm 1999 (đã bị bãi bỏ); Điều 217 đến Điều 224 và Điều 230 là sự cụ thể hóa hành vi khách quan của Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng – Điều 165 BLHS năm 1999 (đã bị bãi bỏ) và Điều 234 – Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã được tách một phần hành vi từ Tội vi phạm các quy định về động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 190 BLHS năm 1999).

***4.1. Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217 BLHS)***

Tội phạm này xâm phạm đến chế độ quản lí của Nhà nước đối với hoạt động cạnh tranh của của các doanh nghiệp trên thị trường.

 Hành vi khách quan của tội phạm này có thể được thực hiện dưới dạng:

* Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh[[15]](#footnote-15);
* Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường doanh nghiệp không phải là các bên của thỏa thuận[[16]](#footnote-16);
* Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh khi các bên tham gia thỏa thuận có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan 30% trở lên thuộc một trong các trường hợp: thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, dịch vụ; thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư; thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng.

 Tội phạm này là tội phạm có cấu thành vật chất, theo đó hậu quả của tội phạm phải gây thiệt hại cho người khác từ 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng trở lên.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng, phạt cải tọa không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

 Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm; có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***4.2. Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp (Điều 217a BLHS)*.**

Kinh doanh theo phương thức đa cấp là hoạt động kinh doanh sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người trong mạng lưới cấp dưới[[17]](#footnote-17). Theo đó, người phạm tội có hành vi tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp và thỏa mãn một trong số các trường hợp:

* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
* Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng trở lên;
* Gây thiệt hại cho người khác từ 500.000.000 đồng trở lên.

 Người phạm tội này bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

***4.3. Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218 BLHS)***

Đấu giá tài sản là hình thức bán tài sản có từ 02 người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc, trình tự và thủ tục được pháp luật quy định[[18]](#footnote-18). Hành vi khách quan của tội phạm này có thể là một trong số các hành vi sau:

* Lập danh sách khống về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá;
* Lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản;
* Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động bán đấu giá tài sản.

 Hậu quả của hành vi khách quan trên đó là người phạm tội thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại cho người khác từ 50.000.000 đồng trở lên.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặt phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***4.4. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219 BLHS)***

Chủ thể của tội phạm này là chủ thể đặc biệt, phải là người được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản và gây ra hậu quả là thất thoát, lãng phí tài từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chínhvề hành vi này mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoạt phạt tù từ 01 năm đến 20 năm.

 Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.5. Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220 BLHS)*.**

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ, quyền hạn trong việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện một trong số các hành vi sau:

* Vi phạm quy định về quyết định chủ trương đầu tư;
* Vi phạm quy định về lập, thẩm định chủ trương đầu tư;
* Vi phạm quy định về quyết định đầu tư chương trình, dự án;
* Vi phạm quy định về tư vấn, thiết kế chương trình, dự án.

Hành vi khách quan này phải gây ra hậu quả là thiệt hại từ 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 của Bộ luật này.

Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 20 năm.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.6. Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221 BLHS)***

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến hoạt động kế toán của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

 Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động[[19]](#footnote-19). Hành vi khách quan của tội phạm này có thể là các dạng hành vi:

* Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán;
* Dụ dỗ, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;
* Để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán;
* Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước thời hạn lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán;
* Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên nhằm bỏ ngoài sổ kế toán tài sản, nguồn vốn, kinh phí của đơn vị kế toán.

 Hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này, theo đó hành vi phạm tội phải gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 100.000.000 đồng đồng thời về nhân thân, người đó đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 20 năm.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.7. Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222 BLHS)***

 Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầy để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp; lựa chọn nhàu đầu tư để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế[[20]](#footnote-20). Người phạm tội đã có một trong các hành vi:

* Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu;
* Thông thầu;
* Gian lận trong đấu thầu;
* Cản trở hoạt động đấu thầu;
* Vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu;
* Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn đến nợ đọng vốn của nhà thầu;
* Chuyển nhượng thầu trái phép.

 Các hành vi trên phải gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 20 năm.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.8. Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223 BLHS)***

 Người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn trong thu thuế của Nhà nước đã thực hiện một trong số các hành vi sau:

* Thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt, hoàn thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế năm 2016 và các quy định khác của pháp luật về thuế;
* Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế năm 2016 và quy định khác của pháp luật về thuế.

 Các hành vi trên phải gây thất thoát tiền thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 20 năm.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.9. Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224 BLHS)***

 Chủ thể thực hiện hành vi là người có chức vụ, quyền hạn trong đầu tư công trình xây dựng. Theo đó, người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đế thực hiện một trong số những hành vi sau:

* Quyết định đầu tư xây dựng không đúng quy định của Luật Xây dựng năm 2014;
* Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái với quy định của Luật Xây dựng năm 2014;
* Lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng;
* Dàn xếp, thông đồng làm sai lệch kết quả lập dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình.

 Các hành vi trên phải gây thất thoát tiền thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 20 năm.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.10. Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225 BLHS)***

Hành vi phạm tội xâm phạm chế độ bảo hộ của nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan về các tác phần văn học, nghệ thuật, khoa học, biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

* Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu[[21]](#footnote-21);
* Quyền liên quan là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa[[22]](#footnote-22).

 Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc hành vi xâm phạm quyền liên quan đến quyền tác giả, được biểu hiện dưới 02 dạng:

* Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình như ghi ra các đĩa CD từ bản gốc, sao chép tranh…;
* Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao ghi âm, bản sao ghi hình như phát tán các tác phẩm khi chưa được phép lên mạng...

 Tội phạm chỉ hoàn thành khi hành vi đó xảy ra với quy mô thương mại – nghĩa là hành vi được thực hiện nhằm mục đích sinh lợi hoặc gây ảnh hưởng lớn đến quyền khai thác trí tuệ của chủ quyền; hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên; hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng trở lên; hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Pháp nhân thương mại phạm tội với mức định lượng thiệt hại lớn hơn so với cá nhân phạm tội có thể phải chịu hình phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***4.11. Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226 BLHS)***

 Tội phạm này xâm phạm chế độ quản lí nhà nước về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Theo đó quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh[[23]](#footnote-23). Tuy nhiên, đối tượng tác động của tội phạm này chỉ là nhãn hiệu – là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau[[24]](#footnote-24) hoặc chỉ dẫn địa lý – là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ và quốc gia cụ thể[[25]](#footnote-25) đang được bảo hộ tại Việt Nam.

 Người phạm tội có hành vi khách quan là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lí đang được bảo hộ, ví dụ như sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa đã đăng ký gây nhầm lẫn cho khách hàng dù chất lượng tương đương hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ khu vưc mang chỉ dẫn địa lý nhưng không đáp ứng được chất lượng đặc thù của sản phẩm.

Người phạm tội với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Pháp nhân thương mại phạm tội với mức định lượng thiệt hại lớn hơn so với cá nhân phạm tội có thể phải chịu hình phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***4.12. Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 227 BLHS)*.**

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trờ của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau:

* Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 trở lên;
* Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên;
* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên
* Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 07 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Pháp nhân thương mại phạm tội với mức định lượng lớn hơn so với cá nhân phạm tội có thể phải chịu hình phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***4.13. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai (Điều 228 BLHS)***

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi lấn chiếm đất, chuyển quyền sử dụng đất hoặc sử dụng đất trái với các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai đồng thời về nhân thân đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

 Hình phạt áp dụng cho người phạm tội là hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 07 năm. Người phạm tội còn có thểphải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***4.14. Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (Điều 229 BLHS)***

 Chủ thể của tội phạm này là người có chức vụ, quyền hạn trong quản lý đất đai. Theo đó, chủ thể đã có hành vi khách quan là giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái quy định của pháp luật. Những hành vi này cấu thành tội phạm khi thuộc một trong số các trường hợp sau:

* Đất trồng lúa có diện tích từ 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 30.000 mét vuông (m2); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 50.000 mét vuông (m2); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 40.000 mét vuông (m2);
* Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp;
* Người phạm tội đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 12 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***4.15. Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Điều 230 BLHS)***

 Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ, quyền hạn trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Hành vi khách quan của tội phạm này có thể là:

* Vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư;
* Hoặc vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về tài sản, về sản xuất kinh doanh.

 Tội phạm này có cấu thành tội phạm vật chất, theo đó dấu hiệu hậu quả là dấu hiệu bắt buộc. Hành vi phạm tội phải gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm mới cấu thành tội phạm này.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 tháng đến 20 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***4.16. Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ (Điều 231 BLHS)***

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ, quyền hạn trong phân phối tiền, hàng cứu trợ. Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi cố ý làm trái những quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ. Dấu hiệu hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm, theo đó hành vi phạm tội gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ từ 100.000.000 đồng trở lên.

 Người phạm tội có thể phải chịu hình phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặt phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***4.17. Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (Điều 232 BLHS)***

 Hành vi khách quan của tội phạm này là một trong các hành vi khai thác trái phép các loại rừng với định lượng được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 232 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, cần phân biệt hành vi khách quan của tội phạm này với hành vi hủy hoại rừng tại Điều 243 với một số hành vi khác nhau cũng như đối tượng khác nhau.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.5000.000.000 đồng; phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 10 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

 Pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm này có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

***4.18. Tội vi phạm quy định về quản lý rừng (Điều 233 BLHS)***

Người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn trong quản lý rừng. Theo đó, người phạm tội đã có hành vi lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong số các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 233 với các mức định lượng được quy định cụ thể.

 Người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 12 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***4.19. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 BLHS)***

 Hành vi khách quan của tội phạm này là những hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 234 (như săn, bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ…) các đối tượng tác động khác nhau với mức định lượng cụ thể. Cần chú ý phân biệt hành vi khách quan của tội phạm này với hành vi khách quan của Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242). Ngoài ra, đối tượng tác động là căn cứ để phân biệt giữa tội phạm này với Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244); theo đó nếu động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp hoặc động vật hoang dã thông thường là đối tượng tác động của Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Nếu đối tượng tác động là động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì sẽ phải định tội theo Điều 244 - với Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

 Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng ; phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 12 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

 Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

1. Theo Điều 4 Luật di sản văn hóa văn 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2009. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trường đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Tập II), NXB. Công an nhân dân, tr.58. [↑](#footnote-ref-2)
3. Xem: Thông tư liên tịch số 01/2001/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/9/2001 hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XV “*Các tội xâm phạm chê độ hôn nhân và gia đình*”. [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 120 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. [↑](#footnote-ref-4)
5. PGS. TS. Cao Thị Oanh, TS. Lê Đăng Doanh (chủ biên), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (Thực hiện từ 01/7/2016), NXB. Lao động, trang 310. [↑](#footnote-ref-5)
6. Khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu năm 2016. [↑](#footnote-ref-6)
7. Xem khái niệm tại Điều 3 Nghị định 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; danh mục hàng cấm tại Nghị định 19/VBHN-BCT quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện năm 2014. [↑](#footnote-ref-7)
8. Xem: Điều3 Nghị định 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng [↑](#footnote-ref-8)
9. Xem: Luật giá năm 2012 và Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Nghị định số 149/2013/NĐ-CP sửa đổi,bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. [↑](#footnote-ref-10)
11. PGS. TS. Cao Thị Oanh, TS. Lê Đăng Doanh (chủ biên), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (Thực hiện từ 01/7/2016), NXB. Lao động, trang 345. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 4 Luật Công cụ chuyển nhượng năm 2005. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điểm 8 Điều 6 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010. [↑](#footnote-ref-13)
14. Khái niệm các thuật ngữ xem thêm tại Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2010. [↑](#footnote-ref-14)
15. Xem thêm các khái niệm tại Điều 19 Nghị định 116/205/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh. [↑](#footnote-ref-15)
16. Xem thêm các khái niệm tại Điều 20 Nghị định định 116/205/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh. [↑](#footnote-ref-16)
17. Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-17)
18. Xem: Luật đấu giá tài sản năm 2016. [↑](#footnote-ref-18)
19. Khoản 8 Điều 3 Luật Kế toán năm 2015. [↑](#footnote-ref-19)
20. Khoản 12 Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2013. [↑](#footnote-ref-20)
21. Khoản 2 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. [↑](#footnote-ref-21)
22. Khoản 3 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. [↑](#footnote-ref-22)
23. Khoản Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. [↑](#footnote-ref-23)
24. Khoản 16 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. [↑](#footnote-ref-24)
25. Khoản 22 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. [↑](#footnote-ref-25)